

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc
ban hành bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công
sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực Công Thương thành phố Hà Nội**

(Tiếp theo Công báo số 332 +333)

PHỤ LỤC SỐ 08**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Hỗ trợ kỹ thuật áp dụng các công cụ phần mềm tính toán,
mô phỏng hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sản xuất công nghiệp,
công trình xây dựng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

Trang

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: Định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

1.2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng”.

2.1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động qui định trong bảng định mức.

2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật áp dụng các công cụ phần mềm

tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức hỗ trợ áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện dịch vụ, được áp dụng đối với quy mô 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ tổ chức hỗ trợ tính định mức là 30 doanh nghiệp/đơn vị.

a) Trường hợp quy mô tăng 01 doanh nghiệp/đơn vị để thực hiện hỗ trợ thì định mức lao động và định mức máy móc, thiết bị được nhân với hệ số tăng là $k=1+(1 \times 0,025)$.

Ví dụ nếu tăng 02 doanh nghiệp/đơn vị thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số tăng là $k=1+(2 \times 0,025) = 1,05$.

b) Trường hợp quy mô giảm 01 doanh nghiệp/đơn vị để thực hiện hỗ trợ thì định mức lao động và định mức máy móc, thiết bị được nhân với hệ số giảm là $k=1-(1 \times 0,025)$.

Ví dụ giảm 03 cơ sở sản xuất thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số giảm là $k=1-(3 \times 0,025)=0,925$.

3.2. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài.

3.3. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại mục 3.2, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng” thực hiện theo quy trình sau:

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận nhiệm vụ
1.1	Tiếp nhận kế hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.2	Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện nhiệm vụ
1.3	Xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ
1.4	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) thực hiện nhiệm vụ
Bước 2	Thành lập tổ chuyên gia thực hiện nhiệm vụ
Bước 3	Khảo sát, thu thập nội bộ dữ liệu về quy mô, hiện trạng hoạt động của đơn vị
Bước 4	Phân tích, đánh giá hiện trạng hoạt động của các đơn vị xác định tiềm năng áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng
Bước 5	Lựa chọn danh sách các đơn vị thực hiện hỗ trợ kỹ thuật áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng
Bước 6	Phê duyệt danh sách các đơn vị thực hiện hỗ trợ kỹ thuật áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng
Bước 7	Xây dựng văn bản gửi các đơn vị liên quan
7.1	Xây dựng, trình phê duyệt văn bản gửi các đơn vị liên quan phối hợp triển khai nhiệm vụ
7.2	Gửi văn bản đến các đơn vị
Bước 8	Làm việc với đơn vị lựa chọn, thu thập thông tin của doanh nghiệp (quy mô sản xuất, hệ thống thiết bị...); Xây dựng kế hoạch chi tiết
Bước 9	Họp triển khai tại đơn vị
Bước 10	Thu thập dữ liệu sẵn có tại đơn vị
Bước 11	Họp rà soát dữ liệu sẵn có tại đơn vị
Bước 12	Khảo sát, nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tiêu thụ năng lượng

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 13	Họp thảo luận kết quả khảo sát, nghiên cứu đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến tiêu thụ năng lượng
Bước 14	Tổng hợp, phân tích các dữ liệu sẵn có của cơ sở
Bước 15	Họp thảo luận kết quả phân tích dữ liệu thu thập
Bước 16	Ứng dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng
16.1	Thiết lập mô hình của cơ sở
16.2	Cập nhật thông số, dữ liệu chi tiết cho từng hạng mục của mô hình cơ sở
16.3	Khởi chạy tính toán mô phỏng hiệu quả năng lượng cho đơn vị
Bước 17	Họp thảo luận về hiệu quả áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng
Bước 18	Xây dựng hướng dẫn sử dụng/hướng dẫn kỹ thuật
Bước 19	Tổng hợp, xây dựng báo cáo đánh giá hiệu quả áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng
Bước 20	Duyệt báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng cấp tổ chuyên gia
Bước 21	Duyệt báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng cấp đơn vị
Bước 22	Tổ chức hội nghị thống nhất báo cáo kết quả áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng với cơ sở được hỗ trợ
Bước 23	In báo cáo, xác nhận báo cáo và biên bản kết thúc công việc
Bước 24	Thanh quyết toán
24.1	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
24.2	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
24.3	Lưu hồ sơ

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	- Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả theo quy định	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị
		- Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tổ chức hỗ trợ kỹ thuật áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
		- Có đội ngũ chuyên gia được cấp chứng nhận/chứng chỉ về lĩnh vực mô phỏng năng lượng của đơn vị có thẩm quyền	Đối chiếu hồ sơ nhân sự của đơn vị
2	Tiêu chí về xây dựng kế hoạch	- Nội dung kế hoạch hỗ trợ kỹ thuật áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng cần phù hợp với chương trình, kế hoạch về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã được phê duyệt	Đối chiếu nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt
		- Nội dung kế hoạch hỗ trợ kỹ thuật áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về lựa chọn cơ sở được hỗ trợ kỹ thuật	- Danh sách các cơ sở được lựa chọn hỗ trợ kỹ thuật phải đáp ứng các yêu cầu theo kế hoạch đã được duyệt	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt
4	Tiêu chí về thực hiện hỗ trợ kỹ thuật	- Nội dung thực hiện cần thể hiện kết quả tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng của cơ sở và đề xuất được các giải pháp giúp cơ sở nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng	Đối chiếu với xác nhận của cơ sở được hỗ trợ về nội dung thực hiện

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
		- Báo cáo được xác nhận (ký, đóng dấu) của cơ sở được hỗ trợ	Kiểm tra tình trạng xác nhận của cơ sở được hỗ trợ
5	Tiêu chí về kết quả thực hiện dịch vụ	- Cơ sở được hỗ trợ cần cam kết về việc sẽ áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng để nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng	Kiểm tra, đối chiếu cam kết của cơ sở được hỗ trợ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ -KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng” như sau:

3.1. Định mức kinh tế-kỹ thuật đối với công tác tổ chức hỗ trợ áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng

Đơn vị tính: 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ (quy mô 30 doanh nghiệp/đơn vị)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
08.01			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	6,25
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	149,38
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	8,13
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	151,38
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,48
	Máy điện thoại di động	Ca	15,00
	Máy chiếu	Ca	0,50
	Ô tô 4 chỗ	Ca	15,00
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	2,59
	Mực in A4 đen trắng	Hộp	0,33
4	Chi phí gián tiếp	%	21%

3.2. Định mức kinh tế-kỹ thuật đối với công tác hỗ trợ áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng

Đơn vị tính: 01 doanh nghiệp/đơn vị

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
08.02			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	3,25
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	109,00
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	23,00
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	81,50
	Máy tính xách tay	Ca	27,50
	Máy in A4 đen trắng	Ca	1,54
	Máy điện thoại di động	Ca	5,00
	Máy chiếu	Ca	2,50
	Máy ảnh	Ca	3,00
	Ô tô 7 chỗ	Ca	5,50
	Bộ máy đo chuyên dụng (Danh sách các máy đo kèm theo)	Ca	3,00
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	7,55
	Mực in A4 đen trắng	Hộp	1,06
	Pin 9V	Cái	11,00
4	Chi phí gián tiếp	%	21%

Ghi chú: Bộ máy đo chuyên dụng gồm danh sách các máy đo như sau:

- + Đồng hồ ampe kìm
- + Đồng hồ đa năng
- + Thiết bị phân tích điện năng
- + Thiết bị đo nhiệt độ hồng ngoại
- + Thiết bị đo độ rọi lux kế (độ chiếu sáng)
- + Đo nồng độ CO₂
- + Máy phân tích khí thải
- + Thiết bị đo độ ẩm, nhiệt độ, tốc độ gió
- + Thiết bị đo lưu lượng bằng siêu âm
- + Máy chụp hình Hồng ngoại
- + Máy đo cách nhiệt SHGC

PHỤ LỤC SỐ 09

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

**Tên dịch vụ: Hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức cho các cơ sở sử dụng năng lượng
trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng tham gia đánh giá,
công nhận cơ sở, công trình xây dựng sử dụng năng lượng Xanh
theo Tiêu chí của Thành phố**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

Trang

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng tham gia đánh giá, công nhận cơ sở, công trình xây dựng sử dụng năng lượng Xanh theo Tiêu chí của Thành phố” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

1.2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng tham gia đánh giá, công nhận cơ sở, công trình xây dựng sử dụng năng lượng Xanh theo Tiêu chí của Thành phố”.

2.1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng tham gia đánh giá, công nhận cơ sở, công trình xây dựng sử dụng năng lượng Xanh theo Tiêu chí của Thành phố” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng tham gia đánh giá, công nhận cơ sở, công trình xây dựng sử dụng năng lượng Xanh theo Tiêu chí của Thành phố” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng tham gia đánh giá, công nhận cơ sở, công trình xây dựng sử dụng năng lượng Xanh theo Tiêu chí của Thành phố” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng tham gia đánh giá, công nhận cơ sở, công trình xây dựng sử dụng năng lượng Xanh theo Tiêu chí của Thành phố”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác tổ chức cho dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng tham gia đánh giá, công nhận cơ sở, công trình xây dựng sử dụng năng lượng Xanh theo Tiêu chí của Thành phố” bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện đối với quy mô là 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ tương ứng với định mức tính là 60 doanh nghiệp (cơ sở).

a) Trường hợp tăng 01 cơ sở để thực hiện thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được nhân với hệ số tăng là $k = 1 + (1 \times 0,017)$.

Ví dụ nếu tăng 02 cơ sở thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được nhân với hệ số tăng là $k = 1 + (2 \times 0,017) = 1,034$.

b) Trường hợp giảm 01 cơ sở để thực hiện thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được nhân với hệ số giảm là $k = 1 - (1 \times 0,017)$.

Ví dụ giảm 03 cơ sở thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được nhân với hệ số giảm là $k = 1 - (3 \times 0,017) = 0,949$.

3.2. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí sau:

a) Chi phí khu trưng bày các sản phẩm tiêu biểu về tiết kiệm năng lượng tại lễ công bố, trao danh hiệu làm cơ sở xây dựng đơn giá với các hạng mục cơ bản như sau: diện tích là 180m²; Khung giàn hợp kim nhôm; sàn pallet mặt gỗ MDF chịu nước đặt trên hệ khung sắt hộp mạ kẽm; 16 đèn chiếu sáng led 60W; ổ điện; in ấn 100m²

pano, phướn, băng rôn trang trí chất liệu vải lụa pha bằng công nghệ in ép nhiệt; hệ thống bụi, kệ trưng bày sản phẩm; Hệ thống điều hòa làm mát (nếu có); Thảm trải sàn; Chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, PCCC, vận chuyển lắp đặt tháo dỡ.

b) Chi phí trang trí khu vực tổ chức lễ công bố, trao danh hiệu làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm các hạng mục cơ bản như sau: in ấn 500 m² pano, phướn, băng rôn chất liệu vải lụa pha bằng công nghệ in ép nhiệt; 20 standy; 10 chậu cây cảnh trang trí; 01 khu đón tiếp đại biểu VIP; 01 khu vực khai mạc (sân khấu, âm thanh, ánh sáng, màn hình LED, khu vực đại biểu và khách mời với quy mô 200 người, chương trình lễ công bố trao danh hiệu.

c) Chi phí tuyên truyền, quảng bá, phát sóng lễ công bố, trao danh hiệu làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm các hạng mục cơ bản như sau: 20 tin tuyên truyền trên báo điện tử, trang thông tin điện tử; in ấn 300 giấy mời và phong bì kèm theo; 01 phóng sự có thời lượng 10 phút về chương trình; truyền hình trực tiếp lễ công bố, trao danh hiệu trên Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội (thời lượng 60 phút).

d) Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được nhận hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài như: tư vấn thiết kế, mặt bằng, diễn giả, tiêu hủy vật tư và các chi phí khác (nếu có).

3.3.Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại mục 3.2, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng tham gia đánh giá, công nhận cơ sở, công trình xây dựng sử dụng năng lượng Xanh theo Tiêu chí của Thành phố” thực hiện theo quy trình sau:

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận nhiệm vụ
1.1	Tiếp nhận kế hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.2	Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết
1.3	Xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ
1.4	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) thực hiện dịch vụ
Bước 2	Gửi văn bản mời các đơn vị tham gia
2.1	Xây dựng văn bản, trình cấp có thẩm quyền ban hành
2.2	Gửi văn bản tới các đơn vị liên quan
2.3	Tổng hợp, đánh giá xác định nhu cầu tham gia
2.4	Phân tích phương án hỗ trợ đơn vị tham gia
2.5	Hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn đơn vị lập hồ sơ tham gia
Bước 3	Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ
Bước 4	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia của doanh nghiệp
4.1	Tiếp nhận đơn đăng ký tham gia kèm theo hồ sơ đánh giá, công nhận
4.2	Lập danh sách các đơn vị tham gia
Bước 5	Đánh giá, xác minh dữ liệu trong hồ sơ
5.1	Xây dựng kế hoạch đánh giá, xác minh dữ liệu trong hồ sơ
5.2	Tiến hành đánh giá, xác minh dữ liệu trong hồ sơ
-	Khảo sát hiện trạng
-	Xác minh dữ liệu kê khai trong hồ sơ (dữ liệu sẵn có và đo đạc thực địa)
Bước 6	Thành lập hội đồng đánh giá
6.1	Liên hệ các thành viên Hội đồng
6.2	Dự thảo và trình cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thành lập Hội đồng

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 7	Tổng hợp kết quả đánh giá xác minh dữ liệu hồ sơ đăng ký của đơn vị, báo cáo Hội đồng đánh giá sơ bộ
7.1	Tổng hợp kết quả đánh giá xác minh dữ liệu hồ sơ đăng ký của đơn vị
7.2	Xây dựng báo cáo, phiếu đánh giá sơ bộ gửi các thành viên Hội đồng
7.3	Tổng hợp kết quả đánh giá sơ bộ của Hội đồng
Bước 8	Tổ chức họp Hội đồng đánh giá chính thức
8.1	Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành giấy mời họp Hội đồng
8.2	Tổng hợp hồ sơ, tài liệu gửi các thành viên Hội đồng
8.3	Chuẩn bị hậu cần họp hội đồng (phòng họp, máy tính, máy in, máy chiếu, văn phòng phẩm)
Bước 9	Trình phê duyệt danh sách các đơn vị được công nhận
9.1	Dự thảo và trình cấp có thẩm quyền ban hành quyết định công nhận
9.2	Thiết kế, in ấn chứng nhận cho các đơn vị được công nhận
Bước 10	Tổ chức lễ công bố, trao danh hiệu
10.1	Tổng hợp thông tin các đơn vị được công nhận
10.2	Thiết kế, in ấn kỷ yếu các đơn vị được công nhận
10.3	Thiết kế, chuẩn bị cúp trao cho các đơn vị được công nhận
Bước 11	Làm việc với các đơn vị liên quan về: Mặt bằng, điện, nước, an ninh trật tự, bảo hiểm, vệ sinh, internet, dịch vụ chung, PCCC và các nội dung khác (nếu có)
Bước 12	Chỉ đạo, giám sát, phê duyệt thiết kế các hạng mục của chương trình
12.1	Khảo sát mặt bằng, thiết kế (tổng thể, chi tiết) các hạng mục của chương trình
12.2	Phê duyệt thiết kế (tổng thể, chi tiết)
Bước 13	Quảng bá, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng
13.1	Tổ chức lựa chọn đơn vị quảng bá, tuyên truyền (nếu có)
13.2	Ký hợp đồng với đơn vị quảng bá, tuyên truyền (nếu có)
13.3	Phối hợp, biên soạn nội dung quảng bá tuyên truyền

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
13.4	Duyệt nội dung quảng bá, tuyên truyền
13.5	Theo dõi công tác quảng bá, tuyên truyền
Bước 14	Chuẩn bị nội dung tổ chức chương trình
14.1	Biên soạn tài liệu của chương trình
14.2	Trình ban hành giấy mời
14.3	Lập danh sách khách mời và gửi giấy mời đến các đơn vị có liên quan
14.4	Mời, xác nhận các đơn vị tham gia trưng bày giới thiệu sản phẩm
-	Xây dựng công văn/thư mời/phom mẫu, gửi cho các đơn vị đăng ký tham gia
-	Tổng hợp danh sách các đơn vị đăng ký tham gia
-	Duyệt danh sách các đơn vị tham gia
-	Rà soát, hướng dẫn các đơn vị được duyệt hoàn thiện hồ sơ tham gia trưng bày giới thiệu sản phẩm tại sự kiện
-	Sắp xếp vị trí gian hàng; thông báo vị trí gian hàng, nội quy tham gia chương trình cho các đơn vị tham gia
14.6	Xây dựng bài phát biểu khai mạc và bế mạc chương trình (nếu có)
14.7	Giám sát công tác thi công dàn dựng theo thiết kế được phê duyệt
14.8	Duyệt công tác thi công dàn dựng chương trình
Bước 15	Thực hiện các nhiệm vụ tại lễ công bố, trao danh hiệu
15.1	Đón tiếp đại biểu, chuyên gia, khách mời
15.2	Tổ chức khai mạc
15.3	Duy trì, điều phối các nội dung của chương trình
15.4	Giám sát công tác tháo dỡ, thu dọn hiện trường, bàn giao hội trường
Bước 16	Thanh quyết toán
16.1	Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị cung cấp dịch vụ
16.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
16.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
16.4	Lưu hồ sơ

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng tham gia đánh giá, công nhận cơ sở, công trình xây dựng sử dụng năng lượng Xanh theo Tiêu chí của Thành phố” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	- Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị
		- Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng tham gia đánh giá, công nhận cơ sở, công trình xây dựng sử dụng năng lượng Xanh theo tiêu chí của Thành phố	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
2	Tiêu chí về xây dựng kế hoạch	- Nội dung kế hoạch phù hợp với chương trình, kế hoạch về Hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng tham gia đánh giá, công nhận cơ sở, công trình xây dựng sử dụng năng lượng Xanh theo tiêu chí của Thành phố	Đối chiếu nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt
		- Nội dung kế hoạch có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức xét chọn	- Văn bản mời các cơ sở được hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức xét chọn đăng ký tham gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt của văn bản mời các cơ sở

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
		- Hội đồng xét chọn được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt hội đồng xét chọn
		- Danh sách các đơn vị được công nhận được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt công nhận cho các đơn vị
		- Số lượng danh hiệu được công nhận đảm bảo yêu cầu của kế hoạch đã được phê duyệt	Đối chiếu số lượng danh hiệu theo kế hoạch đã được phê duyệt
		Giấy mời lễ công bố, trao danh hiệu cho các cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt giấy mời lễ công bố, trao danh hiệu
4	Tiêu chí về nội dung thông tin, tuyên truyền	Phù hợp với nội dung thông tin, tuyên truyền trong các chương trình, kế hoạch về lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung thông tin, tuyên truyền trong kế hoạch đã được phê duyệt.
		Phù hợp với đối tượng thông tin, tuyên truyền	Đối chiếu với nội dung thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt
5	Tiêu chí về hình thức thông tin, tuyên truyền	Phù hợp với yêu cầu thông tin tuyên truyền được duyệt, gồm một hoặc nhiều hình thức: + Thông qua các cơ quan báo chí: báo giấy, báo điện tử, đài truyền hình, đài phát thanh; + Thông qua các ấn phẩm: sách, sổ tay, cẩm nang, bộ tài liệu, tờ rơi, tờ gấp; + Thông qua địa điểm công cộng (phát trên fanpage, website, các sự kiện và các nền tảng Internet khác).	Đối chiếu với nội dung thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt
6	Tiêu chí về sản phẩm thông tin, tuyên truyền	Số lượng sản phẩm phải đáp ứng yêu cầu thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt.	Đối chiếu yêu cầu của nội dung thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
		Sản phẩm phải có xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền: + Đối với sản phẩm được đăng trên báo giấy, báo điện tử: có bài đăng của các cơ quan báo chí; + Đối với sản phẩm phát thanh, phát trên truyền hình: sản phẩm phải có xác nhận của cơ quan phát thanh, truyền hình; + Tờ rời, tờ gấp, sách, sổ tay: được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền và có hồ sơ bàn giao sản phẩm tuyên truyền	- Đối chiếu yêu cầu của nội dung, đối tượng thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt. - Kiểm tra tình trạng xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền.

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ -KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng tham gia đánh giá, công nhận cơ sở, công trình xây dựng sử dụng năng lượng Xanh theo Tiêu chí của Thành phố” như sau:

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công tác Tổ chức Hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng tham gia đánh giá, công nhận cơ sở, công trình xây dựng sử dụng năng lượng Xanh theo Tiêu chí của Thành phố

Đơn vị tính: 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ (quy mô 60 doanh nghiệp/đơn vị)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
09.01			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	6,93
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	364,00
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	71,80
2	Định mức máy móc, thiết bị		

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
09.01			
	Máy tính để bàn	Ca	409,75
	Máy tính xách tay	Ca	4,50
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,47
	Máy in A4 màu	Ca	1,31
	Máy điện thoại di động	Ca	3,50
	Máy chiếu	Ca	1,00
	Ô tô 7 chỗ	Ca	1,50
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	14,73
	Mực in A4 đen trắng	Hộp	2,10
	Giấy in A4 bìa	Ram	0,12
	Phong bì A4	Cái	60
4	Chi phí gián tiếp	%	21%

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công tác thực hiện Hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng tham gia đánh giá, công nhận cơ sở, công trình xây dựng sử dụng năng lượng Xanh theo Tiêu chí của Thành phố:

Đơn vị tính: 01 doanh nghiệp/đơn vị

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
09.02			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	0,06
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	8,64
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	3,56
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	6,14
	Máy tính xách tay	Ca	6,04

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
09.02			
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,02
	Máy điện thoại di động	Ca	1,50
	Máy chiếu	Ca	1,00
	Máy ảnh	Ca	1,00
	Ô tô 7 chỗ	Ca	1,00
	Bộ máy đo chuyên dụng (Danh sách các máy đo kèm theo)	Ca	1,00
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	0,52
	Mực in A4 đen trắng	Hộp	0,07
	Pin 9V	Cái	4,00
4	Chi phí gián tiếp	%	21%

Ghi chú: Bộ máy đo chuyên dụng gồm danh sách các máy đo như sau:

- + Đồng hồ ampe kìm
- + Đồng hồ đa năng
- + Thiết bị phân tích điện năng
- + Thiết bị đo nhiệt độ hồng ngoại
- + Thiết bị đo độ rọi lux kế (độ chiếu sáng)
- + Đo nồng độ CO₂
- + Máy phân tích khí thải
- + Thiết bị đo độ ẩm, nhiệt độ, tốc độ gió
- + Thiết bị đo lưu lượng bằng siêu âm
- + Máy chụp hình Hồng ngoại
- + Máy đo cách nhiệt SHGC

PHỤ LỤC SỐ 10

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

**Tên dịch vụ: Tổ chức hội chợ triển lãm trong nước về thúc đẩy thị trường
sản phẩm, trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC**Trang****I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Tổ chức hội chợ triển lãm trong nước về thúc đẩy thị trường sản phẩm, trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

1.2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

2.1. Thành phần định mức kinh tế - kỹ thuật:

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Tổ chức hội chợ triển lãm trong nước về thúc đẩy thị trường sản phẩm, trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng”.

2.1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Tổ chức hội chợ triển lãm trong nước về thúc đẩy thị trường sản phẩm, trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức hội chợ triển lãm trong nước về thúc đẩy thị trường sản phẩm, trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức hội chợ triển lãm trong nước về thúc đẩy thị trường sản phẩm, trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức hội chợ triển lãm trong nước về thúc

đẩy thị trường sản phẩm, trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác “Tổ chức hội chợ triển lãm trong nước về thúc đẩy thị trường sản phẩm, trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng” bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện tổ chức hội chợ triển lãm được áp dụng đối với quy mô 01 sự kiện hội chợ triển lãm, tiêu chuẩn tính định mức là 250 gian hàng tiêu chuẩn: diện tích 01 gian hàng tiêu chuẩn là $9m^2$ ($3m \times 3m$), cao 2,5m.

a) Trường hợp kích thước gian hàng thực tế khác kích thước gian hàng tiêu chuẩn thì số lượng gian hàng được xác định bằng cách quy đổi tương đương về gian hàng tiêu chuẩn có diện tích $9m^2$.

Ví dụ: Khu trưng bày có diện tích $90m^2$ sẽ tương đương 10 gian hàng tiêu chuẩn.

b) Trường hợp tăng 50 gian hàng, định mức (vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số tăng là 1,15.

c) Trường hợp giảm 50 gian hàng, định mức (vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số giảm là 0,85.

d) Trường hợp số gian hàng tăng/giảm với bước nhảy khác 50, định mức (Vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số tăng/giảm theo công thức nội suy 2 chiều sau:

$$A = a_1 + (a_2 - a_1) \times (B - b_1) : (b_2 - b_1)$$

Trong đó:

A: Hệ số các thành phần hao phí (vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) tương ứng với số gian hàng B.

B: Số gian hàng cần xác định hệ số.

b_1 : Số gian hàng tại cận dưới liền kề với gian hàng B.

b_2 : Số gian hàng tại cận trên liền kề với gian hàng B.

a_1 : Định mức các thành phần hao phí tại cận dưới b_1 .

a₂: Định mức các thành phần hao phí tại cận trên b₂.

3.2. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí sau:

a) Chi phí gian hàng tiêu chuẩn làm cơ sở xây dựng đơn giá với các hạng mục cơ bản của 01 gian hàng như sau: diện tích là 9m² (3m x 3m), cao 2,5m; Khung gian hàng hợp kim nhôm; 02 đèn chiếu sáng led 60W; 01 ổ điện; Biển gian hàng khung sắt hộp in bạt hiflex; 01 bàn (gồm khăn trải bàn) và 02 ghế có váy quây; 01 sọt đựng rác; Hệ thống điều hòa làm mát; Thảm trải sàn; Vách ngăn cadivi khung nhôm; Chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, PCCC, vận chuyển lắp đặt tháo dỡ.

b) Chi phí trang trí hội chợ triển lãm làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm các hạng mục cơ bản như sau: in ấn 2.500 m² pano, phướn, băng rôn; 50 standy; 03 cổng; 03 khu vực đăng ký; 1.500 m² thảm trải sàn; 30 chậu cây cảnh trang trí; các tiểu cảnh trang trí (nếu có), biển chỉ dẫn; hệ thống bục kê; nhà tiền chế (nếu có); sàn (nếu có); khung dàn nhôm chịu lực (nếu có); 01 khu vực check in; 01 khu đón tiếp đại biểu VIP; 01 khu vực khai mạc (sân khấu, âm thanh, ánh sáng, màn hình LED, khu vực đại biểu và khách mời với quy mô 200 người, chương trình khai mạc); 01 khu vực hội nghị, hội thảo, diễn đàn (sân khấu, âm thanh, ánh sáng, màn hình LED, khu vực đại biểu và khách mời, thuê bàn ghế đại biểu (nếu có), chương trình sự kiện); 01 khu vực giao thương; các hoạt động kết nối giao thương tại hội chợ triển lãm; năng lượng, nước, quạt làm mát, an ninh, vệ sinh (nếu có).

c) Chi phí tuyên truyền, quảng bá hội chợ triển lãm làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm các hạng mục cơ bản như sau: 30 tin tuyên truyền trên báo điện tử, trang thông tin điện tử; 20 lượt tuyên truyền trên truyền thanh, truyền hình; in ấn 2.500 bộ form mời, 500 giấy mời, 500 cuốn kỷ yếu, 1.000 tờ rơi thông tin chương trình; xây dựng 05 TVC quảng bá các hoạt động của hội chợ đăng trên fanpage, website hội chợ triển lãm; 01 phóng sự có thời lượng 10 phút về hội chợ triển lãm.

d) Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được nhận hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài như: tư vấn thiết kế, mặt bằng, diễn giả, tiêu hủy vật tư và các chi phí khác (nếu có).

3.3. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại mục 3.2, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa,

quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Tổ chức hội chợ triển lãm trong nước về thúc đẩy thị trường sản phẩm, trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng” thực hiện theo quy trình sau:

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu tổ chức hội chợ triển lãm trong nước về thúc đẩy thị trường sản phẩm, trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ.
Bước 2	Xây dựng kế hoạch tổ chức hội chợ triển lãm trong nước về thúc đẩy thị trường sản phẩm, trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng
2.1	Tổng hợp, đánh giá xác định nhu cầu tham gia hội chợ triển lãm
2.2	Phân tích phương án tổ chức hội chợ triển lãm
2.3	Xây dựng kế hoạch chi tiết
Bước 3	Phê duyệt kế hoạch tổ chức hội chợ triển lãm trong nước về thúc đẩy thị trường sản phẩm, trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng
Bước 4	Làm việc với các đơn vị liên quan về: Mặt bằng, điện, nước, an ninh trật tự, bảo hiểm, vệ sinh, internet, dịch vụ chung, PCCC và các nội dung khác (nếu có)
Bước 5	Xây dựng dự toán chi phí thiết kế và dự toán các hạng mục của hội chợ triển lãm (nếu có)
Bước 6	Phê duyệt dự toán chi phí thiết kế và dự toán các hạng mục của hội chợ triển lãm (nếu có)
Bước 7	Lựa chọn, duyệt đơn vị tư vấn thiết kế (nếu có)
Bước 8	Chỉ đạo, giám sát, phê duyệt thiết kế các hạng mục của hội chợ triển lãm
8.1	Chỉ đạo, giám sát công tác khảo sát mặt bằng, công tác thiết kế (tổng thể, chi tiết) các hạng mục của hội chợ triển lãm
8.2	Phê duyệt thiết kế (tổng thể, chi tiết)
Bước 9	Nghiệm thu, thanh toán với đơn vị tư vấn thiết kế (nếu có)
Bước 10	Trình, duyệt dự toán tổng thể của hội chợ triển lãm (nếu có)
Bước 11	Quảng bá, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng
11.1	Tổ chức lựa chọn đơn vị quảng bá, tuyên truyền (nếu có)

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
11.2	Ký hợp đồng với đơn vị quảng bá, tuyên truyền (nếu có)
11.3	Phối hợp, cung cấp thông tin, nội dung quảng bá tuyên truyền
11.4	Duyệt nội dung quảng bá, tuyên truyền
11.5	Theo dõi công tác quảng bá, tuyên truyền
Bước 12	Thi công dàn dựng các hạng mục của hội chợ triển lãm
12.1	Tổ chức lựa chọn đơn vị thi công
12.2	Ký hợp đồng với đơn vị thi công
12.3	Giám sát công tác thi công dàn dựng các hạng mục của hội chợ triển lãm theo thiết kế đã được phê duyệt
12.4	Duyệt công tác thi công các hạng mục của hội chợ triển lãm
Bước 13	Mời, xác nhận các đơn vị tham gia hội chợ triển lãm
13.1	Xây dựng công văn/thư mời/phom mẫu, gửi cho các đơn vị đăng ký tham gia
13.2	Tổng hợp danh sách các đơn vị đăng ký tham gia
13.3	Duyệt danh sách các đơn vị tham gia
13.4	Rà soát, hướng dẫn các đơn vị được duyệt hoàn thiện hồ sơ tham gia hội chợ triển lãm
13.5	Sắp xếp vị trí gian hàng; thông báo vị trí gian hàng, nội quy tham gia hội chợ triển lãm cho các đơn vị tham gia
Bước 14	Tổ chức lễ khai mạc
14.1	Xây dựng phân công và kịch bản
-	<i>Lập danh sách khách mời, gửi giấy mời</i>
-	<i>Lên chương trình và kịch bản</i>
-	<i>Xây dựng phân công tổ chức lễ khai mạc</i>
-	<i>Chuẩn bị bài phát biểu khai mạc, dẫn chương trình và các tài liệu khác (nếu có)</i>
14.2	Duyệt phân công tổ chức lễ khai mạc
14.3	Giám sát công tác thi công, dàn dựng, trang trí khu vực khai mạc
14.4	Tổ chức khai mạc hội chợ triển lãm
Bước 15	Duy trì hỗ trợ các hoạt động hội chợ triển lãm
Bước 16	Kết nối giao thương
	Tổ chức các hoạt động kết nối giao thương tại hội chợ triển lãm (nếu có)

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 17	Kết thúc hội chợ triển lãm
	Giám sát công tác tháo dỡ, thu dọn hiện trường, hủy vật tư; bàn giao mặt bằng
Bước 18	Xây dựng báo cáo tổng kết công tác tổ chức hội chợ triển lãm trong nước về thúc đẩy thị trường sản phẩm, trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng (nếu có)
Bước 19	Phê duyệt báo cáo tổng kết công tác tổ chức hội chợ triển lãm trong nước về thúc đẩy thị trường sản phẩm, trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng (nếu có)
Bước 20	Thanh quyết toán
20.1	Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị thi công, quảng bá, tuyên truyền
20.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
20.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
20.4	Lưu hồ sơ

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Tổ chức hội chợ triển lãm trong nước về thúc đẩy thị trường sản phẩm, trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về tổ chức hội chợ triển lãm lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo quy định.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tổ chức hội chợ triển lãm trong nước về thúc đẩy thị trường sản phẩm, trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng.	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
2	Tiêu chí về kế hoạch tổ chức hội chợ triển lãm	Nội dung kế hoạch phù hợp với chương trình, kế hoạch về lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã được phê duyệt.	Đối chiếu nội dung tổ chức hội chợ triển lãm trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
3	Tiêu chí về thiết kế tổng thể hội chợ triển lãm	Thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt thiết kế tổng thể của hội chợ triển lãm
4	Tiêu chí về quảng bá, tuyên truyền về hội chợ triển lãm	Nội dung quảng bá, tuyên truyền về hội chợ triển lãm cần phù hợp với kế hoạch đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung quảng bá, tuyên truyền về hội chợ triển lãm trong kế hoạch đã được phê duyệt.
		Phù hợp với đối tượng thông tin, tuyên truyền	Đối chiếu với nội dung quảng bá, tuyên truyền về hội chợ triển lãm đã được phê duyệt.
		Hình thức quảng bá, tuyên truyền về hội chợ triển lãm cần phù hợp với yêu cầu thông tin tuyên truyền được duyệt, gồm một hoặc nhiều hình thức: + Thông qua các cơ quan báo chí: báo giấy, báo điện tử, đài truyền hình, đài phát thanh; + Thông qua các ấn phẩm: sách, sổ tay, cẩm nang, bộ tài liệu, tờ rời, tờ gấp; + Thông qua địa điểm công cộng (phát trên fanpage, website, các sự kiện và các nền tảng Internet khác).	Đối chiếu với nội dung quảng bá, tuyên truyền về hội chợ triển lãm đã được phê duyệt.
5	Tiêu chí về công tác tổ chức hội chợ triển lãm	Các hạng mục của hội chợ triển lãm được thi công, dàn dựng phù hợp với thiết kế tổng thể đã được phê duyệt	Đối chiếu với thiết kế tổng thể đã được phê duyệt
		Giấy mời tham dự lễ khai mạc được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt của giấy mời khai mạc hội chợ triển lãm

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
		Danh sách các đơn vị tham gia hội chợ triển lãm được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt của danh sách các đơn vị tham gia hội chợ triển lãm
6	Tiêu chí về hồ sơ sản phẩm	Thành phần, số lượng sản phẩm phải đáp ứng yêu cầu của nội dung hội chợ triển lãm đã được phê duyệt.	Đối chiếu yêu cầu của nội dung hội chợ triển lãm đã được phê duyệt.
		Hồ sơ các đơn vị tham gia hội chợ triển lãm đáp ứng các yêu cầu: + Hồ sơ đăng ký tham gia (đơn đăng ký + đăng ký kinh doanh) + Hợp đồng tham gia hội chợ triển lãm	Đối chiếu với hồ sơ tham gia hội chợ triển lãm của các đơn vị tham gia hội chợ triển lãm
		Sản phẩm quảng bá, tuyên truyền cần có xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền: + Đối với sản phẩm được đăng trên báo giấy, báo điện tử: có bài đăng của các cơ quan báo chí; + Đối với sản phẩm phát thanh, phát trên truyền hình: sản phẩm phải có xác nhận của cơ quan phát thanh, truyền hình; + Tờ rời, tờ gấp, sách, sổ tay: được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền và có hồ sơ bàn giao sản phẩm tuyên truyền	- Đối chiếu yêu cầu của nội dung, đối tượng quảng bá, tuyên truyền hội chợ triển lãm đã được phê duyệt. - Kiểm tra tình trạng xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền.

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ -KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Tổ chức hội chợ triển lãm trong nước về thúc đẩy thị trường sản phẩm, trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng” như sau:

Đơn vị tính: 1 sự kiện

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
10.01			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên bậc 3/9	Công	388,6
	Chuyên viên bậc 5/9	Công	15,0
	Chuyên viên chính bậc 2/8	Công	15,0
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	369,6
	Máy tính xách tay	Ca	28,0
	Máy in	Ca	0,9
	Máy chiếu	Ca	2,5
	Điện thoại để bàn	Ca	2,5
	Ô tô 07 chỗ ngồi	Ca	21
3	Định mức vật tư		
	Giấy	Ram	4,4
	Mực in	Hộp	0,6
4	Chi phí gián tiếp	%	19%

PHỤ LỤC SỐ 11

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

**Tên dịch vụ: Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài
về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

Trang

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

1.2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng”.

2.1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài được áp dụng đối với quy mô 01 sự kiện hội chợ triển lãm, tiêu chuẩn tính định mức là 20 gian hàng tiêu chuẩn: diện tích 01 gian hàng tiêu chuẩn là 9m² (3m x 3m), cao 2,5m.

a) Trường hợp kích thước gian hàng thực tế khác kích thước gian hàng tiêu chuẩn thì số lượng gian hàng được xác định bằng cách quy đổi tương đương về gian hàng tiêu chuẩn có diện tích 9m².

Ví dụ: Khu trưng bày có diện tích 90m² sẽ tương đương 10 gian hàng tiêu chuẩn.

b) Trường hợp tăng 05 gian hàng, định mức (vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số tăng là 1,05.

Ví dụ: Tổ chức tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng với quy mô 25 gian hàng trị số định mức (vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số tăng là 1,05.

c) Trường hợp giảm 05 gian hàng, định mức (vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số giảm là 0,95.

Ví dụ: Tổ chức tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng với quy mô 15 gian hàng trị số định mức (vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số giảm là 0,95.

d) Trường hợp số gian hàng tăng/giảm với bước nhảy khác 5, định mức (Vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số tăng/giảm theo công thức nội suy 2 chiều sau:

$$A = a_1 + (a_2 - a_1) \times (B - b_1) : (b_2 - b_1)$$

Trong đó:

A: Hệ số các thành phần hao phí (vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) tương ứng với số gian hàng B.

B: Số gian hàng cần xác định hệ số.

b₁: Số gian hàng tại cận dưới liền kề với gian hàng B.

b₂: Số gian hàng tại cận trên liền kề với gian hàng B.

a_1 : Định mức các thành phần hao phí tại cận dưới b_1 .

a_2 : Định mức các thành phần hao phí tại cận trên b_2 .

Ví dụ 1: Tổ chức tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng với quy mô 23 gian hàng trị số định mức (vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số tăng theo công thức nội suy 2 chiều là 1,03.

Ví dụ 2: Tổ chức tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng với quy mô 17 gian hàng trị số định mức (vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số giảm theo công thức nội suy 2 chiều là 0,98.

3.2. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí sau:

a) Chi phí gian hàng tiêu chuẩn làm cơ sở xây dựng đơn giá với các hạng mục cơ bản của 01 gian hàng như sau: diện tích là $9m^2$ ($3m \times 3m$), cao 2,5m; Khung gian hàng hợp kim nhôm; 02 đèn chiếu sáng led 60W; 01 ổ điện; Biển gian hàng khung sắt hộp in bạt hiflex; 01 bàn (gồm khăn trải bàn) và 02 ghế có váy quây; 01 sọt đựng rác; Hệ thống điều hòa làm mát (nếu có); Thảm trải sàn; Vách ngăn cadivi khung nhôm; Chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, PCCC, vận chuyển lắp đặt tháo dỡ.

b) Chi phí trang trí làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm các hạng mục cơ bản như sau: in ấn $200m^2$ pano, phướn, băng rôn; 10 standy; 01 cổng; $180m^2$ thảm trải sàn; 10 chậu cây cảnh trang trí; các tiểu cảnh trang trí (nếu có); hệ thống bức kệ: 10 chiếc; 01 Tivi; 01 khu vực giao thương (nếu có); các hội nghị, hội thảo giới thiệu, xúc tiến thương mại và các hoạt động kết nối giao thương tại hội chợ triển lãm (nếu có).

c) Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được nhận hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài như: tư vấn thiết kế, mặt bằng, vé máy bay, công tác phí, tiêu hủy vật tư và các chi phí khác (nếu có).

3.3. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại mục 3.2, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng” thực hiện theo quy trình sau:

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ.
Bước 2	Tiếp nhận thư mời của đơn vị tổ chức sự kiện
Bước 3	Làm việc với các đơn vị liên quan về: Mặt bằng, điện, nước, an ninh trật tự, bảo hiểm, vệ sinh, internet, dịch vụ chung, PCC và các nội dung khác (nếu có)
Bước 4	Xây dựng đề án tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng
4.1	Thu thập, nghiên cứu các tài liệu liên quan
4.2	Tìm hiểu về nhu cầu của doanh nghiệp
4.3	Lập đề án, tờ trình
Bước 5	Trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt
Bước 6	Xây dựng kế hoạch tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng
6.1	Tổng hợp, đánh giá xác định nhu cầu tham gia hội chợ triển lãm
6.2	Phân tích phương án tham gia hội chợ triển lãm
6.3	Xây dựng kế hoạch chi tiết
Bước 7	Phê duyệt kế hoạch tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng
Bước 8	Xây dựng dự toán chi phí thiết kế tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng (nếu có)
Bước 9	Phê duyệt dự toán chi phí thiết kế tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng (nếu có)
Bước 10	Lựa chọn, duyệt đơn vị tư vấn thiết kế (nếu có)
Bước 11	Chỉ đạo, giám sát, phê duyệt thiết kế các hạng mục tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
11.1	Thiết kế (tổng thể, chi tiết) các hạng mục tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài
11.2	Phê duyệt thiết kế (tổng thể, chi tiết)
Bước 12	Nghiệm thu, thanh toán với đơn vị tư vấn thiết kế (nếu có)
Bước 13	Trình, duyệt dự toán tổng thể tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng (nếu có)
Bước 14	Quảng bá, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng
14.1	Tổ chức lựa chọn đơn vị quảng bá, tuyên truyền (nếu có)
14.2	Ký hợp đồng với đơn vị quảng bá, tuyên truyền (nếu có)
14.3	Phối hợp, cung cấp thông tin, nội dung quảng bá tuyên truyền
14.4	Duyệt nội dung quảng bá, tuyên truyền
14.5	Theo dõi công tác quảng bá, tuyên truyền
Bước 15	Mời, xác nhận các đơn vị tham gia hội chợ triển lãm
15.1	Xây dựng công văn/thư mời/phom mẫu, gửi cho các đơn vị đăng ký tham gia
15.2	Tổng hợp danh sách các đơn vị đăng ký tham gia
15.3	Duyệt danh sách các đơn vị tham gia
15.4	Rà soát, hướng dẫn các đơn vị được duyệt hoàn thiện hồ sơ tham gia hội chợ triển lãm
15.5	Sắp xếp vị trí gian hàng; thông báo vị trí gian hàng, nội quy tham gia hội chợ triển lãm cho các đơn vị tham gia
Bước 16	Trình phê duyệt danh sách đoàn công tác (nếu có)
Bước 17	Làm thủ tục hộ chiếu, visa cho đoàn công tác
17.1	Chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ liên quan
17.2	Nộp hồ sơ, giấy tờ cho các đơn vị liên quan cấp
Bước 18	Tổ chức đoàn tham gia hội chợ triển lãm
18.1	Lên kế hoạch chi tiết đoàn tham gia hội chợ triển lãm
18.2	Duyệt kế hoạch tham gia hội chợ triển lãm
18.3	Triển khai kế hoạch
Bước 19	Thi công dàn dựng các hạng mục tham gia hội chợ triển lãm
19.1	Tổ chức lựa chọn đơn vị thi công
19.2	Ký hợp đồng với đơn vị thi công

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
19.3	Giám sát công tác thi công dần dựng theo thiết kế được phê duyệt
19.4	Duyệt công tác thi công các hạng mục tham gia hội chợ triển lãm
Bước 20	Tham gia lễ khai mạc
Bước 21	Duy trì hỗ trợ các hoạt động hội chợ triển lãm
Bước 22	Kết thúc hội chợ triển lãm; Giám sát công tác tháo dỡ, thu dọn hiện trường, hủy vật tư, bàn giao mặt bằng
Bước 23	Xây dựng báo cáo tổng kết công tác tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng (nếu có)
Bước 24	Phê duyệt báo cáo tổng kết công tác tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng (nếu có)
Bước 25	Thanh quyết toán
25.1	Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị thi công, quảng bá, tuyên truyền
25.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
25.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
25.4	Lưu hồ sơ

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/ Quyết định/Giấy phép hành nghề về lĩnh vực tiết kiệm năng lượng.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng	Đối chiếu các nhiệm vụ/ hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
2	Tiêu chí đối với kế hoạch hàng năm về tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài	Nội dung kế hoạch phù hợp với chương trình, kế hoạch về lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã được phê duyệt.	Đối chiếu nội dung tham gia hội chợ triển lãm trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.
		Nội dung kế hoạch có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung tham gia hội chợ triển lãm trong kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về thiết kế các hạng mục tham gia hội chợ triển lãm	Thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt thiết kế các hạng mục tham gia hội chợ triển lãm
4	Tiêu chí về quảng bá, tuyên truyền về hội chợ triển lãm	Nội dung quảng bá, tuyên truyền về hội chợ triển lãm cần phù hợp với kế hoạch đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung quảng bá, tuyên truyền về hội chợ triển lãm trong kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt.
		Phù hợp với đối tượng thông tin, tuyên truyền	Đối chiếu với nội dung quảng bá, tuyên truyền về hội chợ triển lãm đã được phê duyệt.
		Hình thức quảng bá, tuyên truyền về hội chợ triển lãm cần phù hợp với yêu cầu thông tin tuyên truyền được duyệt, gồm một hoặc nhiều hình thức:	Đối chiếu với nội dung quảng bá, tuyên truyền về hội chợ triển lãm đã được phê duyệt.
		+ Thông qua các cơ quan báo chí: báo giấy, báo điện tử, đài truyền hình, đài phát thanh; + Thông qua các ấn phẩm: sách, sổ tay, cẩm nang, bộ tài liệu, tờ rơi, tờ gấp;	

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
		+ Thông qua địa điểm công cộng (phát trên fanpage, website, các sự kiện và các nền tảng Internet khác).	
5	Tiêu chí về công tác tổ chức tham gia hội chợ triển lãm	Các hạng mục được thi công, dàn dựng phù hợp với thiết kế đã được phê duyệt	Đối chiếu với thiết kế đã được phê duyệt
		Đoàn công tác tham dự hội chợ triển lãm được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt danh sách đoàn công tác của cấp có thẩm quyền
		Danh sách các đơn vị tham gia hội chợ triển lãm được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt danh sách các đơn vị tham gia hội chợ triển lãm
6	Tiêu chí về hồ sơ sản phẩm	Thành phần, số lượng sản phẩm phải đáp ứng yêu cầu của nội dung tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm đã được phê duyệt.	Đối chiếu yêu cầu của nội dung tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm đã được phê duyệt.
		Hồ sơ của các đơn vị tham gia hội chợ triển lãm đáp ứng các yêu cầu:	Đối chiếu với hồ sơ tham gia hội chợ triển lãm của các đơn vị tham gia hội chợ triển lãm
		+ Hồ sơ đăng ký tham gia (đơn đăng ký + đăng ký kinh doanh)	
		+ Hợp đồng tham gia hội chợ triển lãm	
		Sản phẩm quảng bá, tuyên truyền cần có xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền:	- Đối chiếu yêu cầu của nội dung, đối tượng quảng bá, tuyên truyền hội chợ triển lãm đã được phê duyệt. - Kiểm tra tình trạng xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền.
		+ Đối với sản phẩm được đăng trên báo giấy, báo điện tử: có bài đăng của các cơ quan báo chí;	

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
		+ Đối với sản phẩm phát thanh, phát trên truyền hình: sản phẩm phải có xác nhận của cơ quan phát thanh, truyền hình;	
		+ Tờ rơi, tờ gấp, sách, sổ tay,...: được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền và có hồ sơ bàn giao sản phẩm tuyên truyền	

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng” như sau:

Đơn vị tính: 1 sự kiện

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
11.00			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2,1 bậc 2/8	Công	11,05
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	11,7
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	158,6
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	148,2
	Máy tính xách tay	Ca	28,60
	Máy in	Ca	0,27
	Máy điện thoại di động	Ca	1,3
	Máy chiếu	Ca	1,3
	Ô tô 07 chỗ ngồi	Ca	1
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	1,1
	Mực in	hộp	0,16
4	Chi phí gián tiếp	%	19%

PHỤ LỤC SỐ 12

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Tên dịch vụ: Cung cấp thông tin phục vụ công tác xử lý sự cố hóa chất
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC**Trang****I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Cung cấp thông tin phục vụ công tác xử lý sự cố hóa chất” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

1.2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Cung cấp thông tin phục vụ công tác xử lý sự cố hóa chất”.

2.1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Cung cấp thông tin phục vụ công tác xử lý sự cố hóa chất” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động qui định trong bảng định mức.

2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Cung cấp thông tin phục vụ công tác xử lý sự cố hóa chất” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Cung cấp thông tin phục vụ công tác xử lý sự cố hóa chất” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Cung cấp thông tin phục vụ công tác xử lý sự cố hóa chất”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

3. Áp dụng định mức

a) Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài.

b) Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm a, khoản 3, phần I của Phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Cung cấp thông tin phục vụ công tác xử lý sự cố hóa chất” thực hiện theo quy trình sau:

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.
1.1	Tiếp nhận nhiệm vụ.
1.2	Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết.
1.3	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) thực hiện nhiệm vụ.
Bước 2	Thành lập tổ chuyên gia.
Bước 3	Khai thác, tổng hợp thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia.
Bước 4	Xây dựng nội dung thông tin phục vụ công tác xử lý sự cố hóa chất (như biện pháp sơ cứu y tế, biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn, biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố).
Bước 5	Trình lãnh đạo duyệt phương án.
Bước 6	Cung cấp tài liệu cho cơ quan, tổ chức có yêu cầu.
Bước 7	Kết thúc công tác cung cấp thông tin phục vụ công tác xử lý sự cố hóa chất.
7.1	Tập hợp tài liệu, lưu trữ hồ sơ.
7.2	Lập hồ sơ, trình, duyệt quyết toán kinh phí.

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Cung cấp thông tin phục vụ công tác xử lý sự cố hóa chất” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị yêu cầu cung cấp thông tin	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về lĩnh vực hóa chất.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
2	Tiêu chí về nội dung thông tin cung cấp phục vụ công tác xử lý sự cố hóa chất	Nội dung thông tin cung cấp phải đầy đủ chi tiết, đảm bảo tính chính xác và cập nhật mới nhất. Thông tin phải được trình bày logic, bố cục hợp lý, dễ hiểu không gây nhầm lẫn, sử dụng các thuật ngữ kỹ thuật rõ ràng, dễ tiếp cận với người sử dụng.	Đối chiếu với nội dung kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về tính pháp lý	Thông tin cung cấp phải đảm bảo tuân thủ các công ước, tiêu chuẩn quốc tế và luật pháp Việt nam về lĩnh vực hóa chất.	Đối chiếu với nội dung kế hoạch đã được phê duyệt

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ -KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Cung cấp thông tin phục vụ công tác xử lý sự cố hóa chất” như sau:

Đơn vị tính: 01 phiếu cung cấp thông tin cho 01 hóa chất.

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
12.00			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	công	0,06
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	công	6,84
	Chuyên viên 5/9	công	0,51
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	ca	7,2
	Máy in A4 đen trắng	ca	0,024
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	0,12
	Mực in A4 đen trắng	hộp	0,017
4	Chi phí gián tiếp	%	20%

PHỤ LỤC SỐ 13

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Tên dịch vụ: Cập nhật danh mục hóa chất nguy hiểm; danh mục hóa chất cấm phải xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất
(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC**Trang****I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Cập nhật danh mục hóa chất nguy hiểm, danh mục hóa chất cấm phải xây dựng kế hoạch biện pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố hóa chất” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

1.2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Cập nhật danh mục hóa chất nguy hiểm, danh mục hóa chất cấm phải xây dựng kế hoạch biện pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố hóa chất”.

2.1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Cập nhật danh mục hóa chất nguy hiểm, danh mục hóa chất cấm phải xây dựng kế hoạch biện pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố hóa chất” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Cập nhật danh mục hóa chất nguy hiểm, danh mục hóa chất cấm phải xây dựng kế hoạch biện pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố hóa chất” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Cập nhật danh mục hóa chất nguy hiểm, danh mục hóa chất cấm phải xây dựng kế hoạch biện pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố hóa chất” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Cập nhật danh mục hóa chất nguy hiểm, danh

mục hóa chất cấm phải xây dựng kế hoạch biện pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố hóa chất”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác cập nhật danh mục hóa chất nguy hiểm, danh mục hóa chất cấm phải xây dựng kế hoạch biện pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố hóa chất bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện đối với quy mô 01 phiếu cung cấp thông tin để cập nhật cho 01 danh mục hóa chất có từ 1 đến 10 loại hóa chất.

a) Trường hợp danh mục hóa chất >10 loại hóa chất, thì cứ tăng 01 loại hóa chất thì định mức lao động và định mức máy móc, thiết bị, vật tư được nhân với hệ số là $k=1+(1 \times 0,05)$

Ví dụ nếu tăng 02 loại hóa chất thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị, định mức vật tư được nhân với hệ số là $k=1+(2 \times 0,05) = 1,1$.

3.2. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài.

3.3. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm a, khoản 3.2, phần I của Phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Cập nhật danh mục hóa chất nguy hiểm, danh mục hóa chất cấm phải xây dựng kế hoạch biện pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố hóa chất” thực hiện theo quy trình sau:

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.
1.1	Tiếp nhận nhiệm vụ.
1.2	Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết.
1.3	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) thực hiện nhiệm vụ.
Bước 2	Thành lập tổ chuyên gia.
Bước 3	Khai thác, tổng hợp thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia.
Bước 4	Xây dựng danh mục các hóa chất nguy hiểm, hóa chất cấm phải xây dựng kế hoạch biện pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố hóa chất.
Bước 5	Trình lãnh đạo duyệt báo cáo.
Bước 6	Cung cấp tài liệu cho cơ quan, tổ chức có yêu cầu.
Bước 7	Kết thúc công tác cập nhật danh mục hóa chất nguy hiểm, danh mục hóa chất cấm phải xây dựng kế hoạch biện pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố hóa chất.
7.1	Tập hợp tài liệu, lưu trữ hồ sơ.
7.2	Lập hồ sơ, trình, duyệt quyết toán kinh phí.

Ghi chú: Dịch vụ này nhằm hỗ trợ các cơ quan/ tổ chức có yêu cầu cập nhật danh mục hóa chất nguy hiểm, danh mục hóa chất cấm phải xây dựng kế hoạch biện pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố hóa chất, đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật hiện hành.

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Cập nhật danh mục hóa chất nguy hiểm, danh mục hóa chất cấm phải xây dựng kế hoạch biện pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố hóa chất” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị yêu cầu cung cấp thông tin	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về lĩnh vực hóa chất.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị
2	Tiêu chí về nội dung danh mục hóa chất nguy hiểm, danh mục hóa chất cấm phải xây dựng kế hoạch biện pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố hóa chất	Nội dung thông tin cung cấp phải đầy đủ chi tiết, đảm bảo tính chính xác và cập nhật mới nhất. Thông tin phải được trình bày logic, bố cục hợp lý, dễ hiểu không gây nhầm lẫn, sử dụng các thuật ngữ kỹ thuật rõ ràng, dễ tiếp cận với người sử dụng.	Đối chiếu với nội dung kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về tính pháp lý	Thông tin cung cấp phải đảm bảo tuân thủ các công ước, tiêu chuẩn quốc tế và luật pháp Việt nam về lĩnh vực hóa chất.	Đối chiếu với nội dung kế hoạch đã được phê duyệt

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ -KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Cập nhật danh mục hóa chất nguy hiểm, danh mục hóa chất cấm phải xây dựng kế hoạch biện pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố hóa chất” như sau:

Đơn vị tính: 01 phiếu cung cấp thông tin để cập nhật cho 01 danh mục hóa chất (danh mục có 10 hóa chất).

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
13.00			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	công	0,20
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	công	23,80
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	công	1,70
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	ca	25,00
	Máy in A4 đen trắng	ca	0,01
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	0,40
	Mực in A4 đen trắng	hộp	0,06
4	Chi phí gián tiếp	%	20%

PHỤ LỤC SỐ 14

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

**Tên dịch vụ: Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu hóa chất,
danh mục hóa chất**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC**Trang****I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu hóa chất, danh mục hóa chất” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

1.2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu hóa chất, danh mục hóa chất”.

2.1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu hóa chất, danh mục hóa chất” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động qui định trong bảng định mức.

2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu hóa chất, danh mục hóa chất” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu hóa chất, danh mục hóa chất” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu hóa chất, danh mục hóa chất”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

3. Áp dụng định mức

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật “Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu hóa chất, danh mục hóa chất” tính quy mô hỗ trợ 1 cơ quan/tổ chức xây dựng 01 cơ sở dữ liệu về 10 loại hóa chất.

+ Trường hợp tăng 01 loại hóa chất thì định mức lao động và định mức máy móc, thiết bị, định mức vật tư được nhân với hệ số là $k=1+(1 \times 0,05)$.

Ví dụ nếu tăng 02 loại hóa chất thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị, định mức vật tư được nhân với hệ số là $k=1+(2 \times 0,05) = 1,1$.

+ Trường hợp giảm 01 loại hóa chất thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị, định mức vật tư được nhân với hệ số là $k=1-(1 \times 0,05)$.

Ví dụ nếu giảm 02 loại hóa chất thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị, định mức vật tư được nhân với hệ số là $k=1-(2 \times 0,05) = 0,9$.

b) Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài.

c) Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm b, khoản 3, phần I của Phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu hóa chất, danh mục hóa chất” thực hiện theo quy trình sau:

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.
1.1	Tiếp nhận nhiệm vụ.
1.2	Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
1.3	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) thực hiện nhiệm vụ.
Bước 2	Thành lập tổ chuyên gia.
Bước 3	Khai thác, tổng hợp thông tin trên hệ thống Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia theo yêu cầu của cơ quan/tổ chức.
Bước 4	Xây dựng các bảng dữ liệu.
Bước 5	Nhập dữ liệu vào các bảng dữ liệu.
Bước 6	Duyệt dữ liệu đã nhập cấp tổ chuyên gia.
Bước 7	Biên soạn tài liệu hướng dẫn tra cứu.
Bước 8	Trình lãnh đạo duyệt tài liệu hướng dẫn tra cứu.
Bước 9	Biên soạn tài liệu hướng dẫn quản lý CSDL hóa chất.
Bước 10	Trình lãnh đạo duyệt tài liệu hướng dẫn quản lý CSDL hóa chất.
Bước 11	Xây dựng, trình duyệt các công cụ tra cứu.
Bước 12	Kết thúc công tác xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu hóa chất, danh mục hóa chất.
12.1	Nghiệm thu và bàn giao sản phẩm.
12.2	Tập hợp tài liệu, lưu trữ hồ sơ.
12.3	Lập hồ sơ, trình, duyệt quyết toán kinh phí.

Ghi chú: Dịch vụ này nhằm hỗ trợ cơ quan/ tổ chức có yêu cầu xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu hóa chất theo yêu cầu đặc thù riêng.

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu hóa chất, danh mục hóa chất” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị yêu cầu cung cấp thông tin	Có đăng ký kinh doanh/ Quyết định/Giấy phép hành nghề về lĩnh vực hóa chất.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
2	Tiêu chí về nội dung xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu hóa chất, danh mục hóa chất	Nội dung thông tin cung cấp phải đầy đủ chi tiết, đảm bảo tính chính xác và cập nhật mới nhất. Thông tin phải được trình bày logic, bố cục hợp lý, dễ hiểu không gây nhầm lẫn, sử dụng các thuật ngữ kỹ thuật rõ ràng, dễ tiếp cận với người sử dụng.	Đối chiếu với nội dung kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về tính pháp lý	Thông tin cung cấp phải đảm bảo tuân thủ các công ước, tiêu chuẩn quốc tế và luật pháp Việt nam về lĩnh vực hóa chất.	Đối chiếu với nội dung kế hoạch đã được phê duyệt

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ -KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu hóa chất, danh mục hóa chất” như sau:

Đơn vị tính: 01 cơ sở dữ liệu có 10 loại hóa chất.

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
14.00			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	công	0,14
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	công	19,46
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	công	1,89
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	ca	21,07
	Máy in A4 đen trắng	ca	0,081
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	0,406
	Mực in A4 đen trắng	hộp	0,058
4	Chi phí gián tiếp	%	20%

PHỤ LỤC SỐ 15**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

Tên dịch vụ: Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, kỹ năng điều hành cạnh tranh, về điều tra viên vụ việc cạnh tranh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

Trang

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1 Phạm vi điều chỉnh:

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, kỹ năng điều hành cạnh tranh, về điều tra viên vụ việc cạnh tranh” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

1.2 Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, kỹ năng điều hành cạnh tranh, về điều tra viên vụ việc cạnh tranh”.

2.1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, kỹ năng điều hành cạnh tranh, về điều tra viên vụ việc cạnh tranh” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, kỹ năng điều hành cạnh tranh, về điều tra viên vụ việc cạnh tranh” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, kỹ năng điều hành cạnh tranh, về điều tra viên vụ việc cạnh tranh” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ

liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, kỹ năng điều hành cạnh tranh, về điều tra viên vụ việc cạnh tranh”; bao gồm chi phí lao động, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác “Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, kỹ năng điều hành cạnh tranh, về điều tra viên vụ việc cạnh tranh” bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện dịch vụ được áp dụng đối với quy mô 01 báo cáo đánh giá và 01 cơ sở dữ liệu tính định mức ≤ 10 tổ chức/đơn vị và nội dung cơ sở dữ liệu có ≤ 30 chỉ tiêu.

Trường hợp 01 báo cáo đánh giá và 01 cơ sở dữ liệu có quy mô > 10 tổ chức/đơn vị, quy mô tăng 01 tổ chức/đơn vị thì định mức được nhân với hệ số tăng là $k=1+(1 \times 0,1)=1,1$.

a) Trường hợp khảo sát, thu thập từ tổ chức/đơn vị nước ngoài bằng hình thức thu thập qua các kênh truyền thông, Internet, qua điện thoại hoặc các hình thức hỗ trợ tương tự khác, thì định mức được tính như đơn vị trong nước nhưng không bao gồm hao phí ca xe ô tô.

b) Trường hợp khảo sát, thu thập từ tổ chức/đơn vị nước ngoài bằng hình thức khảo sát trực tiếp tại tổ chức/đơn vị nước ngoài thì ngoài hao phí trong bảng định mức, được tính bổ sung các chi phí trực tiếp hợp lý hợp lệ có liên quan khác đến hoạt động tại nước ngoài như: chi phí đi lại từ Việt Nam đến nước ngoài và chiều ngược lại, chi phí ăn ở, công tác phí, xin visa, phiên dịch, chi phí thuê phương tiện đi lại làm việc theo lịch trình, dẫn đoàn.

3.2. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí:

a) Chi phí xây dựng cơ sở dữ liệu (thông tin được khảo sát thu thập từ 10 tổ chức/đơn vị) làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm các hạng mục cơ bản như sau: Chi cho đối tượng cung cấp thông tin; xây dựng phần mềm tin học để nhập tin và xử lý dữ liệu...

b) Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài, chi phí công tác tại nước ngoài đối với trường hợp khảo sát, thu thập từ tổ chức/đơn vị nước ngoài, đăng tải và các nội dung khác (nếu có).

3.3. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm 3.2, khoản 3, phần I của Phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của Luật Đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ

1.1. Quy trình thực hiện “Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, kỹ năng điều hành cạnh tranh, về điều tra viên vụ việc cạnh tranh” (Thuê nhà thầu thực hiện):

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ.
Bước 2	Xây dựng kế hoạch “Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, kỹ năng điều hành cạnh tranh, về điều tra viên vụ việc cạnh tranh”.
Bước 3	Phê duyệt kế hoạch “Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, kỹ năng điều hành cạnh tranh, về điều tra viên vụ việc cạnh tranh”.
Bước 4	Xây dựng dự toán “Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, kỹ năng điều hành cạnh tranh, về điều tra viên vụ việc cạnh tranh” (nếu có).

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 5	Phê duyệt dự toán “Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, kỹ năng điều hành cạnh tranh, về điều tra viên vụ việc cạnh tranh” (nếu có).
Bước 6	Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm dịch vụ “Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, kỹ năng điều hành cạnh tranh, về điều tra viên vụ việc cạnh tranh”.
Bước 7	Hỗ trợ nhà thầu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (liên hệ với các đơn vị được khảo sát, văn bản, thủ tục).
Bước 8	Kiểm tra giám sát quá trình thực hiện hợp đồng của đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ.
Bước 9	Kết thúc công tác “Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, kỹ năng điều hành cạnh tranh, về điều tra viên vụ việc cạnh tranh”.
Bước 10	Thanh quyết toán.
10.1	Nghiệm thu.
10.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan.
10.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán.
10.4	Lưu hồ sơ.

1.2. Quy trình thực hiện “Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, kỹ năng điều hành cạnh tranh, về điều tra viên vụ việc cạnh tranh” thực hiện theo quy trình sau (Tự thực hiện):

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ.
Bước 2	Thành lập tổ chuyên gia quản lý, cập nhật dữ liệu.
2.1	Quản lý dữ liệu trên phần mềm tin học.
2.2	Cập nhật dữ liệu trên phần mềm tin học (theo quý).
Bước 3	Xây dựng và phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí nhiệm vụ (nếu có).
Bước 4	Xác định mục đích, yêu cầu, phạm vi điều tra khảo sát.
Bước 5	Xây dựng mẫu phiếu khảo sát, điều tra, thu thập dữ liệu.
Bước 6	Tổng hợp, thống kê, xây dựng danh sách các đơn vị khảo sát điều tra phù hợp yêu cầu của nhiệm vụ.
Bước 7	Liên hệ, trao đổi với đơn vị được lựa chọn khảo sát điều tra.
Bước 8	Khảo sát thu thập dữ liệu cần thiết tại các đơn vị.
Bước 9	Nghiệm thu, kiểm tra, đánh mã số, làm sạch và hoàn thiện phiếu khảo sát thu thập được tại đơn vị.
Bước 10	Lọc và tiêu chuẩn hóa dữ liệu thu thập được tại đơn vị.
Bước 11	Nhập tin và xử lý dữ liệu, tổng hợp phân tích dữ liệu thu thập được tại các đơn vị.
Bước 12	Lập báo cáo phân tích, đánh giá/ Biên soạn tài liệu hướng dẫn.
Bước 13	Trình, phê duyệt báo cáo/tài liệu hướng dẫn
Bước 14	Nhập và lưu trữ dữ liệu.
Bước 15	Duyệt dữ liệu đã nhập cấp tổ chuyên gia.
Bước 16	Thanh quyết toán
16.1	Nghiệm thu.
16.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
16.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
16.4	Lưu hồ sơ

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, kỹ năng điều hành cạnh tranh, về điều tra viên vụ việc cạnh tranh” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

TT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về điều tra khảo sát thị trường và tư vấn chính sách, luật pháp theo quy định.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu điều tra khảo sát thị trường và tư vấn chính sách, luật pháp.	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự.
2	Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp được khảo sát	Đơn vị được chọn khảo sát phải phù hợp với kế hoạch nhiệm vụ được giao.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị.
3	Tiêu chí về mẫu phiếu khảo sát	Mẫu phiếu khảo sát phải có mục tiêu rõ ràng, bám sát yêu cầu nhiệm vụ được giao. Bố cục khoa học, hợp lý và logic. Các câu hỏi phải đảm bảo khách quan, trung lập không mang tính dẫn dắt và đủ bao quát hết các nội dung cần khảo sát.	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt.
4	Tiêu chí về báo cáo phân tích, đánh giá	Báo cáo đánh giá phải chính xác, phản ánh đúng và đủ thông tin từ dữ liệu gốc, tránh sai lệch hoặc làm sai bản chất của vấn đề. Phương pháp đánh giá minh bạch. Các phân tích đánh giá phải khách quan dựa trên dữ liệu thực tế và bao quát hết các yêu cầu của nhiệm vụ được giao. Hình thức trình bày và bố cục của báo cáo phải chặt chẽ, logic, dễ hiểu.	Kiểm tra, đối chiếu nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt.

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

3.1 Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, kỹ năng điều hành cạnh tranh, về điều tra viên vụ việc cạnh tranh” (thuê nhà thầu thực hiện):

Đơn vị tính: 01 báo cáo đánh giá và 1 cơ sở dữ liệu, thông tin được khảo sát thu thập từ 10 tổ chức/đơn vị.

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
15.01			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2 bậc 2/8	công	1,90
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	công	53,55
	Chuyên viên loại A1 5/9	công	13,05
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	ca	67,90
	Máy in A4 đen trắng	ca	0,05
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	1,63
	Mực in A4 đen trắng	hộp	0,22
4	Chi phí gián tiếp	%	20%

3.2. Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, kỹ năng điều hành cạnh tranh, về điều tra viên vụ việc cạnh tranh” (Tự thực hiện):

Đơn vị tính: 01 báo cáo đánh giá và 1 cơ sở dữ liệu, thông tin được khảo sát thu thập từ 10 tổ chức/đơn vị.

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
15.02			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	1,2
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	48,86
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	7,95
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	ca	33,6
	Máy tính xách tay	ca	20
	Điện thoại di động	ca	1
	Máy in A4 đen trắng	ca	0,083
	Ô tô 4 chỗ	ca	5
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	2,73
	Mực in A4 đen trắng	hộp	0,39
4	Chi phí gián tiếp	%	20%

PHỤ LỤC SỐ 16

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

**Tên dịch vụ: Tuyên truyền, phổ biến, phát hành các ấn phẩm tuyên truyền,
giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC**Trang****I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Tuyên truyền, phổ biến, phát hành ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

1.2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Tuyên truyền, phổ biến, phát hành ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại”.

2.1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Tuyên truyền, phổ biến, phát hành ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tuyên truyền, phổ biến, phát hành ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá các máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ, tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tuyên truyền, phổ biến, phát hành ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tuyên truyền, phổ biến, phát hành ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại”; bao gồm chi phí lao động, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác “Tuyên truyền, phổ biến, phát hành ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại” bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện tổ chức thông tin, tuyên truyền được áp dụng đối với quy mô 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ tổ chức thông tin, tuyên truyền như sau:

a) Định mức tính bình quân 35 tin/bài sản xuất mới cho 01 kế hoạch trên báo in, báo điện tử; Trường hợp kế hoạch tăng (giảm) 01 tin/bài thì định mức nhân công và máy tính tăng (giảm) với hệ số $k = 0,01$ lần cho mỗi 01 tin/bài.

Tin tương đương với tin sâu (từ 200÷500 từ), bài tương đương bài phản ánh, bài nghiên cứu (từ 700÷1000 từ) theo các quy định tại Luật Báo chí và các văn bản hướng dẫn.

b) Định mức tính công tác tổ chức thông tin tuyên truyền trên truyền thanh/truyền hình cho 01 kế hoạch tuyên truyền tương đương thời lượng phát sóng 300 phút (hoặc quy đổi tương đương, ví dụ: 10 video/audio sản xuất mới thời lượng 30 phút hoặc 30 video/audio sản xuất mới thời lượng 10 phút). Trường hợp thời lượng phát sóng nhiều hơn hoặc ít hơn thì định mức nhân công và máy tính tăng (giảm) với hệ số $k=0,02$ lần cho mỗi 10 phút thời lượng.

c) Định mức tổ chức thông tin, tuyên truyền bằng hình thức phát video tuyên truyền tại địa điểm công cộng (phát trên fanpage website, lễ khai mạc hội chợ và các nền tảng Internet khác) thì áp dụng như định mức tổ chức thông tin, tuyên truyền trên truyền thanh/truyền hình.

d) Định mức tính công tác tổ chức thông tin tuyên truyền bằng xuất bản phẩm (tờ rời, tờ gấp, sách, sổ tay, cẩm nang, kỷ yếu) cho 01 kế hoạch tuyên truyền tính cho 10 địa điểm cần bàn giao xuất bản phẩm tuyên truyền. Trường hợp địa điểm bàn giao nhiều hơn hoặc ít hơn thì hao phí nhân công chuyên viên loại A1 bậc 3/9 được cộng hoặc trừ đi 0,5 công và hao phí Ô tô chở hàng $<0,5$ tấn được cộng hoặc trừ đi 0,5 ca cho mỗi 01 điểm bàn giao.

Xuất bản phẩm là tờ rời, tờ gấp: 01 tờ A4 in 2 mặt 4 màu rõ nét, theo các quy định tại Luật Báo chí, Luật xuất bản và các văn bản hướng dẫn.

Xuất bản phẩm dạng sách, sổ tay, kỷ yếu: Sách khổ A5 (15cmx22cm) từ 40÷100 trang, in 4 màu rõ nét, theo các quy định tại Luật Báo chí, Luật Xuất bản và các văn bản hướng dẫn.

đ) Sản phẩm, tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm đáp ứng các Quy định về báo chí, xuất bản, in, phát hành, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền.

3.2. Định mức chưa bao gồm các hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê ngoài như: chi phí thuê thẩm định giá, thuê tư vấn đấu thầu, thuê đơn vị/cơ quan báo chí xây dựng bản thảo, nhuận bút, dịch, biên tập, thiết kế, chế bản, in ấn, phát sóng, đăng tải và các nội dung khác (nếu có).

3.3. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại mục 3.2, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Tuyên truyền, phổ biến, phát hành ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại” thực hiện theo quy trình sau:

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu thực hiện kế hoạch/nhiệm vụ về Tuyên truyền, phổ biến, phát hành ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ.
Bước 2	Xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết nhiệm vụ Tuyên truyền, phổ biến, phát hành ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại.
Bước 3	Phê duyệt kế hoạch thực hiện chi tiết nhiệm vụ Tuyên truyền, phổ biến, phát hành ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại.
Bước 4	Xây dựng dự toán chi phí tổ chức Tuyên truyền, phổ biến, phát hành ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại.

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 5	Phê duyệt dự toán chi phí tổ chức Tuyên truyền, phổ biến, phát hành ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại.
Bước 6	Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền (theo các hình thức theo quy định của Luật đấu thầu như: chỉ định thầu rút gọn, chỉ định thầu thông thường, đấu thầu rộng rãi).
Bước 7	Ký hợp đồng với đơn vị thực hiện thông tin, tuyên truyền.
Bước 8	Hỗ trợ, cung cấp thông tin cho nhà thầu thực hiện dịch vụ tuyên truyền.
8.1	Liên hệ nhà thầu tuyên truyền, cung cấp tài liệu, hình ảnh, đầu mối.
8.2	Dẫn, giới thiệu nhà thầu tuyên truyền đến địa điểm cần tuyên truyền để viết bài, quay phim, ghi hình, phỏng vấn;
Bước 9	Tiếp nhận, kiểm tra sản phẩm tuyên truyền do nhà thầu tuyên truyền gửi đến.
Bước 10	Duyệt nội dung sản phẩm tuyên truyền do nhà thầu tuyên truyền gửi đến.
Bước 11	Theo dõi việc thực hiện tuyên truyền.
	Theo dõi tin/bài/video được đăng tải, phát hành hoặc bàn giao cho các đơn vị đối tác hoặc đơn vị liên quan để phối hợp để tuyên truyền (tới 1 địa điểm).
Bước 12	Tiếp nhận sản phẩm tuyên truyền.
12.1	Đối với sản phẩm là tin/bài/video: Lưu trữ trên đĩa CD/USB, đăng tải lên trang website hoặc các nền tảng Internet khác (tin, bài lưu bản giấy, đường link).
12.2	Đối với ấn phẩm là Tờ rời, tờ gấp, sách, sổ tay: nhận bàn giao sản phẩm in ấn, kiểm đếm, lập biên bản nghiệm thu; lập và duyệt danh sách đối tượng tuyên truyền.
12.3	Bàn giao cho bộ phận thực hiện tuyên truyền hoặc đơn vị đối tác và đơn vị liên quan để phối hợp tuyên truyền.
Bước 13	Thanh quyết toán.
13.1	Nghiệm thu.
13.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
13.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
13.4	Lưu hồ sơ

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Tuyên truyền, phổ biến, phát hành ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về lĩnh vực quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị.
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình và các hình thức phổ biến thông tin khác về lĩnh vực Ngành Công Thương.	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự.
2	Tiêu chí về kế hoạch thông tin tuyên truyền	Nội dung kế hoạch phù hợp với chương trình, kế hoạch về lĩnh vực quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại đã được phê duyệt.	Đối chiếu nội dung thông tin, tuyên truyền trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.
		Nội dung kế hoạch hàng năm có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung thông tin tuyên truyền trong kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về nội dung thông tin, tuyên truyền	Phù hợp với nội dung thông tin, tuyên truyền trong các chương trình, kế hoạch về lĩnh vực quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung thông tin, tuyên truyền trong kế hoạch đã được phê duyệt.
		Phù hợp với đối tượng thông tin, tuyên truyền	Đối chiếu với nội dung thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt.
4	Tiêu chí về hình thức thông tin, tuyên truyền	Phù hợp với yêu cầu thông tin tuyên truyền được duyệt, gồm một hoặc nhiều hình thức: + Thông qua các cơ quan báo chí: báo in, báo điện tử, đài truyền hình, đài phát thanh;	Đối chiếu với nội dung thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt.

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
		+ Thông qua địa điểm công cộng (phát trên fanpage, website, các sự kiện và các nền tảng Internet khác). + Thông qua các ấn phẩm: sách, sổ tay, cẩm nang, tờ rời, tờ gấp;	
5	Tiêu chí về sản phẩm thông tin, tuyên truyền	Số lượng sản phẩm phải đáp ứng yêu cầu thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt.	Đối chiếu yêu cầu của nội dung thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt.
		Sản phẩm phải có xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền: + Đối với sản phẩm được đăng trên báo giấy, báo điện tử: có bài đăng của các cơ quan báo chí; + Đối với sản phẩm phát thanh, phát trên truyền hình: sản phẩm phải có xác nhận của cơ quan phát thanh, truyền hình; + Sách, sổ tay, cẩm nang, tờ rời, tờ gấp: được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền và có hồ sơ bàn giao sản phẩm tuyên truyền.	- Đối chiếu yêu cầu của nội dung, đối tượng thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt. - Kiểm tra tình trạng xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền.

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Tuyên truyền, phổ biến, phát hành ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại” như sau:

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại trên báo giấy, báo điện tử.

Đơn vị tính: 01 kế hoạch tuyên truyền trên báo giấy (báo in), báo điện tử

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
16.01			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	6,20
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	6,20
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	66,65
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	58,417
	Máy tính xách tay	Ca	10
	Máy in	Ca	0,057
	Máy điện thoại di động	Ca	1,3
	Máy chiếu	Ca	9,250
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	1,766
	Mực in	hộp	0,20
4	Chi phí gián tiếp	%	18%

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại trên truyền thanh, truyền hình.

Đơn vị tính: 01 kế hoạch tuyên truyền trên truyền thanh, truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
16.02			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	6,938
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	15,733
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	60,551
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	44,538
	Máy tính xách tay	Ca	10,000
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,057
	Máy điện thoại di động	Ca	15,625
	Máy chiếu	Ca	4,250
	Máy ảnh	Ca	15,000

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
	Ô tô 4 chỗ	Ca	15,000
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	1,77
	Mực in A4 đen	hộp	0,20
	Đĩa CD	cái	1,00
4	Chi phí gián tiếp	%	18%

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại trên ấn phẩm dạng sách

Đơn vị tính: 01 ấn phẩm dạng sách (tập san, kỷ yếu, cẩm nang, sổ tay...)

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
16.03			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	5,2
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	17,62
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	75,52
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	67,583
	Máy tính xách tay	Ca	10
	Máy in	Ca	0,064
	Máy in màu	Ca	0,005
	Máy điện thoại di động	Ca	0,625
	Máy chiếu	Ca	6,5
	Ô tô chở hàng <0,5 tấn	Ca	10
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	1,97
	Mực in A4 đen	hộp	0,22
	Mực in A4 màu	hộp	0,018
	Đĩa CD	cái	1,00
4	Chi phí gián tiếp	%	18%

4. Định mức kinh tế - kỹ thuật tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại trên ấn phẩm dạng tờ rơi, tờ gấp

Đơn vị tính: 01 ấn phẩm ấn phẩm dạng là tờ rơi, tờ gấp, cactalog (tính 1 tờ A4)

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
16.04			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	2,932
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	7,938
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	39,85
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	26,458
	Máy tính xách tay	Ca	5
	Máy in	Ca	0,062
	Máy in màu	Ca	0,001
	Máy điện thoại di động	Ca	0,625
	Máy chiếu	Ca	0,375
	Ô tô chở hàng <0,5 tấn	Ca	10
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	1,894
	Mực in	hộp	0,21
	Mực in màu	hộp	0,002
	Đĩa CD	cái	1
4	Chi phí gián tiếp	%	18%

PHỤ LỤC SỐ 17

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

**Tên dịch vụ: Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực
cạnh tranh phòng vệ thương mại**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC**Trang****I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1 Phạm vi điều chỉnh:

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

1.2 Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại”.

2.1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại”; bao gồm chi phí lao động, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại” bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện áp dụng với quy mô 01 báo cáo đánh giá và 01 cơ sở dữ liệu tính định mức ≤ 10 tổ chức/đơn vị và nội dung cơ sở dữ liệu có ≤ 30 chỉ tiêu.

Trường hợp 01 báo cáo đánh giá và 01 cơ sở dữ liệu có quy mô > 10 tổ chức/đơn vị, quy mô tăng 01 tổ chức/đơn vị thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị, định mức vật tư được nhân với hệ số tăng là $k=1+(1 \times 0,1) = 1,1$

Ví dụ nếu tăng 02 tổ chức/đơn vị thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị, định mức vật tư được nhân với hệ số tăng là $k=1+(2 \times 0,1) = 1,2$.

3.2. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của:

a) Chi phí xây dựng cơ sở dữ liệu (thông tin được khảo sát thu thập từ 10 tổ chức/đơn vị) làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm các hạng mục cơ bản như sau: Chi cho đối tượng cung cấp thông tin; xây dựng phần mềm tin học để nhập tin và xử lý dữ liệu...

b) Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài, đăng tải và các nội dung khác (nếu có).

3.3. Khi xây dựng đơn giá, các chi phí quy định tại Điểm a, khoản 3, phần I của Phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật Đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại” thực hiện theo hai quy trình sau:

1.1 Quy trình tổ chức và lập báo cáo khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại (Thuê nhà thầu thực hiện):

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu thực hiện nhiệm vụ “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại”; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ.
Bước 2	Xây dựng kế hoạch “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại”.
Bước 3	Phê duyệt kế hoạch “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại”.
Bước 4	Xây dựng dự toán “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại.” (nếu có).
Bước 5	Phê duyệt dự toán “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại” (nếu có).
Bước 6	Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm dịch vụ “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại”.
Bước 7	Hỗ trợ nhà thầu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (liên hệ với các đơn vị được khảo sát, văn bản, thủ tục).
Bước 8	Kiểm tra giám sát quá trình thực hiện hợp đồng của đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ.
Bước 9	Kết thúc công tác “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại”.
Bước 10	Thanh quyết toán.
10.1	Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị về thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại.
10.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan.
10.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán.
10.4	Lưu hồ sơ.

1.2. Quy trình thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại (Tự thực hiện):

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu thực hiện nhiệm vụ “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại”; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ.
Bước 2	Xây dựng kế hoạch “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại”.
Bước 3	Phê duyệt kế hoạch “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại”.
Bước 4	Xây dựng dự toán “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại” (nếu có).
Bước 5	Phê duyệt dự toán “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại” (nếu có).
Bước 6	Xác định mục đích, yêu cầu, phạm vi điều tra khảo sát.
Bước 7	Xây dựng mẫu phiếu khảo sát, điều tra, thu thập dữ liệu.
Bước 8	Tổng hợp, thống kê, xây dựng danh sách các đơn vị khảo sát điều tra phù hợp yêu cầu của nhiệm vụ.
Bước 9	Liên hệ với đơn vị được lựa chọn khảo sát điều tra.
Bước 10	Khảo sát thu thập dữ liệu cần thiết tại các đơn vị.
Bước 11	Nghiệm thu, kiểm tra, đánh mã số, làm sạch và hoàn thiện phiếu khảo sát thu thập được tại đơn vị.
Bước 12	Lọc và tiêu chuẩn hóa dữ liệu thu thập được tại đơn vị.
Bước 13	Nhập tin và xử lý dữ liệu, tổng hợp phân tích dữ liệu thu thập được tại các đơn vị.
Bước 14	Lập báo cáo phân tích, đánh giá.
Bước 15	Thành lập hội đồng thẩm định.
Bước 16	Thẩm định, phê duyệt báo cáo.
Bước 17	Kết thúc công tác thực hiện nhiệm vụ “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại”.
Bước 18	Thanh quyết toán
18.1	Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị về thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại.
18.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan.
18.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán.
18.4	Lưu hồ sơ.

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

TT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về điều tra khảo sát thị trường và tư vấn chính sách, luật pháp.theo quy định. Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực điều tra khảo sát thị trường và tư vấn chính sách, luật pháp.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự.
2	Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp được khảo sát	Đơn vị được chọn khảo sát phải phù hợp với kế hoạch nhiệm vụ được giao.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị.
3	Tiêu chí về báo cáo phân tích, đánh giá	Báo cáo đánh giá phải chính xác, phản ánh đúng và đủ thông tin từ dữ liệu gốc, tránh sai lệch hoặc làm sai bản chất của vấn đề. Phương pháp đánh giá minh bạch. Các phân tích đánh giá phải khách quan dựa trên dữ liệu thực tế và bao quát hết các yêu cầu của nhiệm vụ được giao. Hình thức trình bày và bố cục của báo cáo phải chặt chẽ, logic, dễ hiểu.	Kiểm tra, đối chiếu nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt.

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại” như sau:

3.1 Định mức kinh tế - kỹ thuật tổ chức và lập báo cáo khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại (thuê nhà thầu thực hiện):

Đơn vị tính: 01 báo cáo khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại.

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
17.01			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2 bậc 2/8	công	1,90
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	công	53,55
	Chuyên viên loại A1 5/9	công	13,05
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	ca	67,90
	Máy in A4 đen trắng	ca	0,05
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	1,63
	Mực in A4 đen trắng	hộp	0,22
4	Chi phí gián tiếp	%	20%

3.2 Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại (Tự thực hiện):

Đơn vị tính: 01 báo cáo khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại (Thông tin được khảo sát thu thập từ ≤ 10 tổ chức/đơn vị).

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
17.02			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2 bậc 2/8	công	2,10
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	công	75,30
	Chuyên viên loại A1 5/9	công	16,25
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	ca	59,65
	Điện thoại di động	ca	1,00
	Máy tính xách tay	ca	30,00
	Máy in A4 đen trắng	ca	0,083
	Ô tô 4 chỗ	ca	5,00
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	2,73
	Mực in A4 đen trắng	hộp	0,39
4	Chi phí gián tiếp	%	20%

PHỤ LỤC SỐ 18**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa
về thương mại điện tử**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

Trang

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1 Phạm vi điều chỉnh:

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

1.2 Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử”.

2.1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử” theo tiêu chí chất lượng và quy trình thực hiện dịch vụ đã quy định.

2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử”; bao gồm chi phí lao động, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

3. Áp dụng định mức

3.1. Dịch vụ “Đào tạo xã hội hóa về thương mại điện tử”

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác đào tạo xã hội hóa về thương mại điện tử bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện tổ chức đào tạo xã hội hóa về thương mại điện tử cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội được áp dụng đối với quy mô 01 chương trình đào tạo. Tiêu chuẩn tính định mức là 02 ngày (mỗi ngày gồm 02 buổi) với quy mô $100 \div 250$ học viên tham gia.

b) Trường hợp tăng/giảm 01 buổi đào tạo, thì định mức lao động và định mức Máy tính xách tay được cộng với hệ số tăng/giảm là 01 công/ca.

3.2. Dịch vụ “Tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử”

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác “Tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử” bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện tổ chức tuyên truyền được áp dụng đối với quy mô 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ tổ chức tuyên truyền như sau:

b) Định mức tính bình quân 35 tin/bài sản xuất mới cho 01 kế hoạch trên báo in, báo điện tử; Trường hợp kế hoạch tăng (giảm) 01 tin/bài thì định mức nhân công và máy tính tăng (giảm) với hệ số $k = 0,01$ lần cho mỗi 01 tin/bài.

Tin tương đương với tin sâu (từ $200 \div 500$ từ), bài tương đương bài phản ánh, bài nghiên cứu (từ $700 \div 1000$ từ) theo các quy định tại Luật Báo chí và các văn bản hướng dẫn.

c) Định mức tính công tác tổ chức tuyên truyền trên truyền thanh/truyền hình cho 01 kế hoạch tuyên truyền tương đương thời lượng phát sóng 300 phút (hoặc quy đổi tương đương, ví dụ: 10 video sản xuất mới thời lượng 30 phút hoặc 30 video sản xuất mới thời lượng 10 phút). Trường hợp thời lượng phát sóng nhiều hơn hoặc ít hơn thì định mức nhân công và máy tính tăng (giảm) với hệ số $k=0,02$ lần cho mỗi 10 phút thời lượng.

d) Định mức tính công tác tổ chức tuyên truyền bằng xuất bản phẩm (tờ rời, tờ gấp, sách, sổ tay, cẩm nang, kỷ yếu) cho 01 kế hoạch tuyên truyền tính cho 20 địa điểm cần bàn giao xuất bản phẩm tuyên truyền. Trường hợp địa điểm bàn giao nhiều hơn hoặc ít hơn thì hao phí nhân công chuyên viên loại A1 bậc 3/9 được cộng hoặc trừ đi 0,5 công và hao phí Ô tô chở hàng $< 0,5$ tấn được cộng hoặc trừ đi 0,5 ca cho mỗi 01 điểm bàn giao.

Xuất bản phẩm là tờ rời, tờ gấp: 01 tờ A4 in 2 mặt 4 màu rõ nét, theo các quy định tại Luật Báo chí, Luật xuất bản và các văn bản hướng dẫn.

Xuất bản phẩm dạng sách, sổ tay, kỷ yếu: Sách khổ A5 (15cmx22cm), từ 40 trang đến 100 trang, in 4 màu rõ nét, theo các quy định tại Luật Báo chí, Luật xuất bản và các văn bản hướng dẫn.

e) Định mức tổ chức tuyên truyền bằng hình thức phát video tuyên truyền tại địa điểm công cộng (phát trên fanpage website, lễ khai mạc hội trợ và các nền tảng Internet khác) thì áp dụng như định mức tổ chức thông tin, tuyên truyền trên truyền thanh/truyền hình.

f) Sản phẩm, tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm đáp ứng các Quy định về báo chí, xuất bản, in, phát hành, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền.

3.3. Định mức chưa bao gồm các hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê ngoài như: thuê tư vấn, mặt bằng, chuyên gia phối hợp, đơn vị/cơ quan báo chí xây dựng bản thảo, nhuận bút, dịch, biên tập, thiết kế, chế bản, in ấn, phát sóng, đăng tải.

3.4. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm 3.3, khoản 3, phần I của Phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật Đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử” thực hiện theo quy trình sau:

1.1. Dịch vụ “Đào tạo xã hội hóa về thương mại điện tử”

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ
Bước 2	Xây dựng và phê duyệt kế hoạch tổ chức.

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
2.1	Khảo sát nhu cầu doanh nghiệp.
2.2	Tổng hợp nhu cầu về lựa chọn chủ đề/nội dung Chương trình.
2.3	Khảo sát địa điểm tổ chức Chương trình.
2.4	Xây dựng kế hoạch tổ chức Chương trình.
Bước 3	Trình và phê duyệt kế hoạch tổ chức.
Bước 4	Xây dựng phương án thiết kế.
4.1	Xây dựng dự toán thiết kế (nếu có).
4.2	Phê duyệt dự toán thiết kế (nếu có).
4.3	Lựa chọn phê duyệt đơn vị thiết kế (nếu có).
4.4	Ký kết hợp đồng.
4.5	Chỉ đạo, giám sát, phê duyệt thiết kế các hạng mục.
4.6	Nghiệm thu, thanh toán với đơn vị thiết kế (nếu có).
Bước 5	Xây dựng dự toán chi phí tổ chức Chương trình (nếu có).
Bước 6	Phát hành văn bản gửi các đơn vị liên quan
Bước 7	Tổng hợp nhu cầu và lựa chọn các đơn vị tham gia
Bước 8	Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ, ký hợp đồng, nghiệm thu, thanh quyết toán dịch vụ tư vấn thầu.
Bước 9	Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ
Bước 10	Ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ
Bước 11	Quảng bá, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.
Bước 12	Chuẩn bị tổ chức chương trình
12.1	Thuê chuyên gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ.
12.1.1	Liên hệ mời chuyên gia.
12.1.2	Xây dựng và duyệt bộ hợp đồng thuê chuyên gia.
12.1.3	Ký kết hợp đồng thuê chuyên gia.
12.1.4	Rà soát nội dung báo cáo trình bày của chuyên gia thuê ngoài.
12.2	Biên soạn và phê duyệt tài liệu chương trình hội nghị, hội thảo, tập huấn.
12.3	Lập giấy mời và bản chương trình tập huấn kèm theo; duyệt giấy mời.
12.4	Lập danh sách khách mời và gửi giấy mời đến các đơn vị có liên quan.

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
12.5	Xây dựng nội dung backdrop, bandroll, phướn, pano, standee; Giám sát công tác trang trí hội trường.
12.6	Xây dựng bài phát biểu khai mạc và bế mạc lớp tập huấn.
12.7	Kiểm tra công tác chuẩn bị và nhận bàn giao đối với đơn vị cung cấp dịch vụ.
Bước 13	Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn.
13.1	Đón tiếp học viên, giảng viên, khách mời.
13.2	Tổ chức khai mạc.
13.3	Thực hiện tập huấn theo chương trình.
13.4	Tổ chức bế mạc; giám sát công tác tháo dỡ, thu dọn hiện trường, bàn giao hội trường.
Bước 14	Xây dựng báo cáo tổng kết (nếu có).
Bước 15	Phê duyệt báo cáo tổng kết (nếu có).
Bước 16	Thanh quyết toán.
16.1	Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị thực hiện.
16.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan.
16.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán.
16.4	Lưu hồ sơ.

1.2. Dịch vụ “Tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử”

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu thực hiện kế hoạch/nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ.
Bước 2	Xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử
Bước 3	Phê duyệt kế hoạch thực hiện chi tiết nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử
Bước 4	Xây dựng dự toán thực hiện chi tiết nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 5	Phê duyệt dự toán thực hiện chi tiết nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử
Bước 6	Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền
Bước 7	Ký hợp đồng với đơn vị thực hiện thông tin, tuyên truyền
Bước 8	Hỗ trợ, Cung cấp thông tin cho đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền
8.1	Liên hệ đơn vị cung cấp dịch vụ, cung cấp tài liệu, hình ảnh, đầu mối, (đối với ấn phẩm thì cung cấp thông tin, hình ảnh, tổng hợp nội dung, yêu cầu thiết kế sách/kỷ yếu/sổ tay tuyên truyền (từ 40÷100 trang), tờ rơi tờ gấp thì cung cấp thông tin hình ảnh nội dung, yêu cầu thiết kế của 2 trang A4)
8.2	Dẫn, giới thiệu đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền đến địa điểm cần tuyên truyền để viết bài, quay phim, ghi hình, phỏng vấn và các nội dung khác (nếu có)
Bước 9	Tiếp nhận, kiểm tra sản phẩm tuyên truyền do đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền gửi đến
Bước 10	Duyệt nội dung sản phẩm tuyên truyền do đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền gửi đến
Bước 11	Theo dõi việc thực hiện tuyên truyền
Bước 12	Tiếp nhận sản phẩm tuyên truyền
12.1	Đối với sản phẩm là tin/bài/video: Lưu trữ trên đĩa CD/USB, đăng tải lên trang website hoặc các nền tảng Internet khác (tin, bài lưu bản giấy, đường link)
12.2	Đối với ấn phẩm là Tờ rời, tờ gấp, sách, sổ tay: nhận bàn giao sản phẩm in ấn, kiểm đếm, lập biên bản nghiệm thu; Lập và duyệt danh sách đối tượng tuyên truyền.
12.3	Bàn giao cho bộ phận thực hiện tuyên truyền hoặc đơn vị đối tác và đơn vị liên quan để phối hợp tuyên truyền
Bước 13	Thanh quyết toán
13.1	Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền
13.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
13.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
13.4	Lưu hồ sơ

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

2.1. Dịch vụ “Đào tạo xã hội hóa về thương mại điện tử”

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/ Quyết định/Giấy phép hành nghề về lĩnh vực thương mại điện tử.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tổ chức các lớp đào tạo xã hội hóa về thương mại điện tử.	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
2	Tiêu chí về xây dựng kế hoạch	Nội dung kế hoạch phù hợp với chương trình, kế hoạch về lĩnh vực thương mại điện tử đã được phê duyệt.	Đối chiếu nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.
		Nội dung kế hoạch có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về nội dung đào tạo	Phù hợp với nội dung đào tạo trong các chương trình, kế hoạch về thương mại điện tử đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung đào tạo trong kế hoạch đã được phê duyệt.
		Phù hợp với đối tượng được đào tạo xã hội hóa về thương mại điện tử	Đối chiếu với nội dung đào tạo trong kế hoạch đã được phê duyệt.
4	Tiêu chí về thực hiện tổ chức đào tạo	Chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn giảng dạy tại khóa đào tạo	Đối chiếu với hồ sơ năng lực của chuyên gia
		Giấy mời/Giấy triệu tập học viên tham dự đào tạo, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt giấy mời/giấy triệu tập học viên

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
		Có xác nhận của học viên tham gia đào tạo	Kiểm tra tình trạng xác nhận của học viên tham gia đào tạo
		Có xác nhận của đơn vị cung cấp địa điểm tổ chức đào tạo	Kiểm tra tình trạng xác nhận của đơn vị cung cấp địa điểm tổ chức đào tạo

2.2. Dịch vụ “Tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử”

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/ Giấy phép hành nghề về thương mại điện tử.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tổ chức tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
2	Tiêu chí về kế hoạch tuyên truyền	Nội dung kế hoạch phù hợp với chương trình, kế hoạch về thương mại điện tử theo quy định đã được phê duyệt.	Đối chiếu nội dung tuyên truyền trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.
		Nội dung kế hoạch có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Đối chiếu nội dung tuyên truyền trong kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về nội dung tuyên truyền	Phù hợp với nội dung tuyên truyền trong các chương trình, kế hoạch về thương mại điện tử theo quy định đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung tuyên truyền trong kế hoạch đã được phê duyệt.
		Phù hợp với đối tượng tuyên truyền	Đối chiếu với nội dung tuyên truyền đã được phê duyệt.
4	Tiêu chí về hình thức tuyên truyền	Phù hợp với yêu cầu tuyên truyền được duyệt, gồm một hoặc nhiều hình thức:	Đối chiếu với nội dung tuyên truyền đã được phê duyệt.

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
		+ Thông qua các cơ quan báo chí: báo in, báo điện tử, đài truyền hình, đài phát thanh; + Thông qua các ấn phẩm: sách, sổ tay, cẩm nang, bộ tài liệu, tờ rời, tờ gấp; + Thông qua địa điểm công cộng (phát trên fanpage, website, các sự kiện và các nền tảng Internet khác).	
5	Tiêu chí về sản phẩm tuyên truyền	Số lượng sản phẩm phải đáp ứng yêu cầu tuyên truyền đã được phê duyệt.	Đối chiếu yêu cầu của nội dung tuyên truyền đã được phê duyệt.
		Sản phẩm phải có xác nhận về việc đã thực hiện tuyên truyền:	
		+ Đối với sản phẩm được đăng trên báo giấy, báo điện tử: có bài đăng của các cơ quan báo chí;	- Đối chiếu yêu cầu của nội dung, đối tượng tuyên truyền đã được phê duyệt. - Kiểm tra tình trạng xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền.
		+ Đối với sản phẩm phát thanh, phát trên truyền hình: sản phẩm phải có xác nhận của cơ quan phát thanh, truyền hình;	
		+ Tờ rời, tờ gấp, sách, sổ tay,... được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền và có hồ sơ bàn giao sản phẩm tuyên truyền	

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử” như sau:

3.1. Dịch vụ “Đào tạo xã hội hóa về thương mại điện tử”

Đơn vị tính: 1 chương trình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
18.01			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	6,73
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	6,50
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	57,69
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	34,45
	Máy tính xách tay	Ca	20,15
	Máy in	Ca	1,08
	Máy điện thoại di động	Ca	1,95
	Máy chiếu	Ca	1,30
	Ô tô 07 chỗ ngồi	Ca	3
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	4,4
	Mực in	hộp	0,63
4	Chi phí gián tiếp	%	19%

3.2. Dịch vụ “Tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử”

a) Trường hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử

Đơn vị tính: 01 kế hoạch tuyên truyền trên báo giấy (báo in), báo điện tử

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
18.02			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	6,20
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	6,20
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	66,65
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	58,417
	Máy tính xách tay	Ca	10

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
	Máy in	Ca	0,057
	Máy điện thoại di động	Ca	1,3
	Máy chiếu	Ca	9,250
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	1,766
	Mực in	hộp	0,20
4	Chi phí gián tiếp	%	18%

b) Trường hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền trên truyền thanh, truyền hình

Đơn vị tính: 01 kế hoạch tuyên truyền trên truyền thanh, truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
18.03			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	6,938
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	14,313
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	71,506
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	55,188
	Máy tính xách tay	Ca	10
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,057
	Máy điện thoại di động	Ca	15,625
	Máy chiếu	Ca	8
	Máy ảnh	Ca	15
	Ô tô 4 chỗ	Ca	15
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	1,766
	Mực in	hộp	0,2
	Đĩa CD	cái	1
4	Chi phí gián tiếp	%	18%

c) Trường hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền trên ấn phẩm dạng sách

Đơn vị tính: 01 ấn phẩm dạng sách (tập san, kỷ yếu, cẩm nang, sổ tay...)

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
18.04			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	5,2
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	17,62
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	75,52
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	67,583
	Máy tính xách tay	Ca	10
	Máy in	Ca	0,064
	Máy in màu	Ca	0,005
	Máy điện thoại di động	Ca	0,625
	Máy chiếu	Ca	6,5
	Ô tô chở hàng <0,5 tấn	Ca	10
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	1,966
	Mực in	hộp	0,22
	Mực in màu	hộp	0,018
	Đĩa CD	cái	1
4	Chi phí gián tiếp	%	18%

d) Trường hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền trên ấn phẩm dạng tờ rơi, tờ gấp

Đơn vị tính: 01 ấn phẩm ấn phẩm dạng là tờ rơi, tờ gấp, catalog (tính 1 tờ A4)

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
18.05			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	2,932
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	7,620
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	39,85
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	26,458
	Máy tính xách tay	Ca	5
	Máy in	Ca	0,062
	Máy in màu	Ca	0,001
	Máy điện thoại di động	Ca	0,625
	Máy chiếu	Ca	0,375
	Ô tô chở hàng <0,5 tấn	Ca	10
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	1,894
	Mực in	hộp	0,21
	Mực in màu	hộp	0,002
	Đĩa CD	cái	1
4	Chi phí gián tiếp	%	18%

(Xem tiếp công báo số 336+337)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442
Fax: 024.37739443
Email: congbao@hanoi.gov.vn
Website: www.hanoi.gov.vn